

Wason
PL 4380
A1 K45
++

130

NĂM THỨ BA NGÀY 11/11/1971

Khởi Hành

Chủ nhiệm: ANH VIỆT TRẦN VĂN TRONG

TUẦN BÁO
VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY
THỨ NĂM



QUÁN ĐỜI — TRANH NGUYỄN HỮU NHẬT

PABLO NERUDA
thơ

THƠ NERUDA, MỘT
SỰ SỐNG
KHÔNG THUẦN KHIẾT



NGUYỄN NHẬT DUẬT
đọc «Cát Vàng» của Lữ Quỳnh

NGHE NHẠC QUÊ HƯƠNG

PHIM ĐEN TRẮNG DO KINH ĐO SẢN XUẤT • MÀN ẢNH RỘNG • TÀI TỬ: BACH
TUYET — THANH THỦY — HUY KHANH — NGUYỄN TRẦN QUÝ — KIM CƯƠNG

MUA TRONG BÌNH MINH là cuốn phim xây dựng từ bộ tiểu thuyết cùng nhan đề của Ngọc Linh. Cuốn tiểu thuyết thật dài, nhiều chi tiết này đã được đạo diễn Nguyễn văn Tường thu ngắn một cách gọn ghẽ và đáng kể là sự gọn ghẽ này vẫn giữ vững bối cảnh câu chuyện, một bối cảnh đặc biệt.

Câu chuyện xoay quanh một ngôi nhà hoang giữa đồng trống tại một làng quê miền Nam năm bên sông. Ngôi nhà này do nát sau một trận oanh tạc từ thời 45, không ai tu bổ. Nơi đó, trong nhiều năm, xảy ra nhiều chuyện kinh dị.

Người ta gọi là ngôi nhà ma. Nhưng một thanh niên từ Saigon về đã lần lượt khám phá bí mật bao trùm đời sống của cả ngôi làng, xuất phát từ ngôi nhà, và thể hiện qua một người đàn bà điên dờ. Thanh niên đó là Nguyễn Trần Quý. Người đàn bà điên là Kim Cương. Nàng là nạn nhân của ngôi nhà, đáng hơn là nạn nhân của những kẻ lợi dụng sự hoang vắng của ngôi nhà: cha con; Văn Dải, Huy Khanh hai người đàn ông hủy hoại nhiều đàn bà con gái trong vùng, mỗi khi họ đi qua ngôi nhà đó.

Đây đúng là một phim truyện được tường thuật cặn kẽ và mạch lạc từ đầu đến cuối. Dem cuốn tiểu thuyết của Ngọc Linh lên màn bạc; đạo diễn Nguyễn

văn Tường đã đóng vai một người kể chuyện khéo bổ thêm bớt chi tiết một cách khôn ngoan, nhằm tạo không khí vừa căng thẳng, vừa hồi hộp cho cuốn phim. Người xem, ngay từ lúc thấy Kim Cương trong vai «bà điên» xuất hiện, đã cảm thấy một không khí bất bình thường. Những sự việc xảy ra sau đó vì thế là những sự việc mà khán giả đang chờ đợi. Nghệ thuật kể chuyện như thế hẳn phải được xem là thành công.

Sự thành công này tuy thế không phải là kết quả của một công trình khó khăn: tiểu thuyết Ngọc Linh luôn luôn phong phú về chi tiết, những nút thắt mờ, những dụng ý hàm chứa nhiều cơ hội dấy xa sự tưởng tượng, sự tò mò, sự dự đoán nơi người thưởng ngoạn.

Cái thành công đáng kể của nhà thực hiện là cách xây dựng nhân vật. Từ Huy Khanh, Kim Cương tới ông giáo làng, nhiều hay ít, đều rất vững chãi. Nhân vật của Nguyễn văn Tường rất sống, cá tính được trình bày thật đầy đủ, tuy còn nằm trong lối mô tả điển hình nhưng vì là một phim thuộc loại kinh dị, nên sự điển hình lại thật là cần thiết.

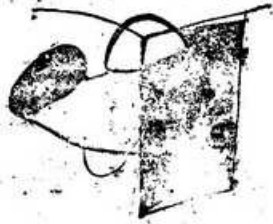
Kim Cương, tuy xuất hiện ít, nhưng vẫn hiện diện đầu đó trong bóng tối. Vai trò của cô là một vai trò nổi bật, vừa nhờ đạo diễn vừa nhờ tài

năng phong phú của chính mình, Huy Khanh cũng thành công tương tự. Anh là một bộ mặt qui một diễn viên nghệ, đem thành công riêng đóng góp cho thành công chung mà cuốn phim đạt được không phải là nhỏ. Về phần Bạch Tuyết hình như vai trò của cô hơi ít chỗ đóng, nhưng cô có một giây phút nào thì đó là những giây phút linh động.

Trông tại khuôn mặt lần đầu tiên xuất hiện trước ống kính Thanh Thủy và Nguyễn Trần Quý thì NT Quý là một thất bại. Chỉ cười và nhu mày. Và nếu tôi có cảm giác đúng thì bộ mặt anh không gây được sự cảm thông mật thiết với người xem trong khi vai trò của anh lại là một vai trò lẽ ra phải gây được cảm tình.

Điểm sau hết rất đáng nói của «Mua Trong Bình Minh» là hình ảnh. Có lẽ đây là cuốn phim đầu tiên đưa ra những cảnh đẹp miền đồng bằng Cửu Long. Trong đời sống thôn quê. Một chiếc ghe trên rạch, chiến phà lớn, ngoài rặng cây cầu khi bắc giữa hai bờ xanh tươi, con đường giữa hai bờ xanh tươi, con đường giữa đồng v.v... tạo một cảm giác thoải mái gần gũi, qua những góc chiếu gián tiếp một phim không có chút bụi bặm của thành phố. Đó cũng là một thành công khác của Đạo diễn Nguyễn văn Tường.

xem phim nguyên v tường



NGƯỜI VÀ VIỆC

nguyên kim phượng

bạn bè của những người viết trẻ

1.

Cứ gọi là trẻ những người mới có bài viết và tác phẩm đi! Được chăng? Hay chỉ trẻ, những người mới rời học đường? Hay chỉ trẻ những người viết đầy tính chất phản kháng? (Già thường khi chấp nhận một cách triết lý hoặc đảng cay...) Hay chỉ trẻ những người viết đầy yêu đương? (Già thường coi chuyện yêu đương không mấy hấp dẫn... kể ra khó xác định thế nào là những người viết trẻ. Có nhiều người tuổi nhỏ mà viết rất « cu », trong khi có nhiều cụ viết rất « tơ tình »... Xem ra dường như văn chương thuần túy không có trẻ già gì. Tuy nhiên những người mới viết, mới có bài viết và tác phẩm phải cứ coi họ là những người viết trẻ đi!

2.

Những người viết trẻ ngày nay có rất ít bạn bè trong làng văn học, mà có rất nhiều kẻ thù trong đó... Trường khi chỉ có một cách cho họ biết đâu là bạn và thù: cứ tiếp tục viết, và chờ xem sẽ thắng được bên nào... Đó là lời của nhà văn trẻ John Knowles, được giải thưởng William Faulkner của hiệp hội William Faulkner, với tác phẩm tiểu thuyết « đầu tay » của ông. Sau đó ông tiếp tục, và lại được giải thưởng của Viện Nghệ Thuật Văn Chương Quốc Gia.

Cũng chính John Knowles nói tiếp: « Những người viết trẻ tìm bạn chân chính ở đâu? — Ở nơi chính họ! Người viết phải là bạn tốt của chính mình. Và cũng chính mình đã là kẻ thù xấu nhất của mình. »

3.

Nói loanh quanh chỉ rồi cũng do mình cả! Phải vậy chăng? Hay ở Việt Nam thì khác hơn ở các nước khác? Ở Việt Nam phải chăng những người viết già « đào tạo »?

4.

Nhiều nhà viết trẻ đã làm thơ « tự do theo điệu » Thanh Tâm Tuyền, « hay viết văn chỉ li theo điệu » Võ phiến « hoặc viết khảo luận » độ số theo lối « Thái Văn Kiềm », họ chợt thành công rồi chợt thất vọng đi! (Cần thi dụ? — Mịch lòng, đầu đâm!). Tuy nhiên, thiên tài của Rimbaud không nằm ở nơi những chất thuốc ma túy chàng xài, nên bất cứ chàng thì không thành một Rimbaud khác, mà có hy vọng mắc bệnh lao, mắc bệnh lao chưa chắc lại đủ thành một keats khác!

Trong gần 10 năm nay mà không tìm thấy một nhà văn lạ ở Nam Việt Nam trong khi hoàn cảnh ngày càng khác xưa, hình như là vì họ vừa mới lớn ra đã bị phang tới bởi xi quách? Kẻ thù nhiều quá! Các nhà văn trẻ đều than van như thế.

5.

Tuy nhiên Trừ một vài người lớn tệ hại, còn thì dường như người lớn luôn có thái độ khoan dung trước giới trẻ. Người lớn thế nào: tài hoa, đức độ, hay hèn hạ đáng chê, hay cái thứ ông bình với hay bậc trưởng thượng, hoặc cái thứ thầy đời văn nghệ văn gừng văn vắn... người trẻ họ đều tương tạc cả. Nhưng nhiều khi vì thương cảm hoặc khinh khi, họ không muốn nói ra thôi. Trước đây có ông Phạm Công Thiện, trời cho ông ta bộ óc to như cái búa tạ, nên ông đem đi phang khắp nơi. Nhưng nghĩ cho kỹ, ông ta nhiều khi thật có lý. Cho tôi mà có được đầu óc thông minh bằng một phần ba của ông ta, tôi cũng đủ mang đi phang nhiều người trưởng thượng kiểu trưởng thượng ông bình với, đời mai mười lăm, hai chục năm chẳng nỡ ra được một chút gì thông minh, mà cứ làm cái loại kỳ đà cần mui! Cái buồn của tuổi trẻ ngày nay không hẳn chỉ vì chính chiến (Lắm khi chính chiến thật vui!) Dù biết chiến tranh đâu đó vẫn mang cái nghĩa « gà đá », nhưng nghĩ cho cùng gà đá vẫn hơn loại gà què quanh bấp! Tuổi trẻ nhiều khi buồn bởi thái độ của một số người lớn tuổi nữa!

(Xem tiếp trang 16)

DƯƠNG TRƯ LA

thời sự văn nghệ

CÁC NGHIỆP ẢNH GIA ĐƯỢC AN THƯỞNG TÂM LÝ CHIẾN BỘI TINH

Nguồn tin từ Hội Ảnh Nghệ Thuật đưa cho hay 4 hội viên của Hội được an thưởng Tâm Lý Chiến BộI Tinh.

Đề tưởng thưởng các nhiếp ảnh gia đã tạo thành tích vẻ vang, nâng cao màu cờ Việt Nam nơi hải ngoại và tích cực đóng góp vào việc phát triển văn hóa nghệ thuật nước nhà qua bộ môn nhiếp ảnh nên ông Tổng Trưởng Thông Tin đã ký nghị định số 48/BIT-HCNV-2-NĐ ngày 7-9-1971 an thưởng Tâm Lý Chiến BộI Tinh cho các nhiếp ảnh gia sau đây:

Nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa — Đề nhứt hạng Tâm Lý Chiến BộI Tinh
... Khưu từ Chấn — Đề Nhị hạng Tâm Lý Chiến BộI Tinh

... Lại hữu Đức — . . .
... Trần đại Quang — . . .
Và Hội Nhiếp ảnh Tinh Võ có:
Nhiếp ảnh gia Đơn hồng Oai — Đề nhĩ hạng Tâm Lý Chiến BộI Tinh
... Trần Nam — . . .

Được biết, Nhiếp ảnh LÊ VĂN KHOA đã từng được an thưởng Đề Nhị hạng Tâm lý Chiến BộI Tinh cho chương trình « Thế Giới của Trẻ Em » của ông trên Đài Truyền Hình Việt Nam do nghị định số 152BIT/HGNVIAINE ngày 3-4-1970. Ngoài ra Bộ Quốc Phòng do công lệnh số 514/ITMCLITL ngày 10-12-1970 đã ban thưởng Tướng Lục cấp sư đoàn cho những sáng kiến độc đáo về nhiếp ảnh mà ông Lê Văn Khoa đã đóng góp cho quân đội.

TRÁI TIM CÒN LẠI

Hoàng Lộc ở Quận Khu III vừa tình lòng tập « Trái tim còn lại », tác phẩm đầu tay của anh, với hai phụ bản của Lê Chánh, Hoàng Lộc đã đăng thơ ở Văn, Văn Học, Bách Khoa, Khởi Hành và được giải thi ca của Hội Văn Bút VN năm 1970 Trái tim còn lại gồm chừng 30 bài thơ viết về tình yêu. Quê hương, Cuộc chiến Thơ Hoàng Lộc để thương và gửi gắm với tuổi trẻ hôm nay.

MÙA THU, ĐỌC GÌ?

Nhà Xuất Bản Anh Em, do Nguyễn Hữu Nhật chủ Trương, đã phát hành Tuyền Tập Thi ca số 1 mùa Thu 1971.

Đây là tập sách nhỏ, nhưng không kém phần trang nhã, trình bày mỹ thuật, những bài thơ của 6 tác

giả: Trần thị Tuệ Mai, Lê Nghị, Trần Xuân Kiêm, Huy Tường, Trạ Vũ và Nguyễn Hữu Nhật.

Tuyền tập thi ca trên đường hướng của một tạp chí Thi ca trong tương lai, ra mỗi tháng một số, sẽ là nơi phóng bút của các nhà thơ thời danh.

Mọi quan niệm và trường phái thi ca Việt Nam cùng thế giới hiện đại đều được thể hiện theo tinh thần trung thực và rộng rãi, do Nguyễn Hữu Nhật và Lê Nghị chủ trương.

Tuyền tập thi ca số 2, tháng 11 năm 1971, với sự hợp tác của Phạm Thiên Thư, Nguyễn thị Minh, Viên Linh, Nguyễn Văn Thước, Cao Tiêu,

Thư từ giao dịch và bài vở, xin liên lạc: Ng hữu Nhật, 56 Phan Bội Châu Saigon, Điện thoại: 22.916.

Hy vọng tuyền tập thi ca sẽ hiện diện đều đặn, và mau tiến tới vị trí của một tạp chí Thi Ca, tiếng nói của các thi sĩ Việt Nam. Không lẽ, một dân tộc nổi tiếng yêu thơ như dân tộc ta, mà không có một tạp



TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
RA NGÀY THỨ NĂM • CHỦ TRƯỞNG
HỘI VĂN NGHỆ SĨ QUÂN ĐỘI • GIẤY
PHÉP XUẤT BẢN SỐ 358BITIBC
NGÀY 26-3-69 • TÒA SOẠN VÀ IN
SỐ 225-227 PHẠM NGŨ LÃO SAIGON
ĐT: 25.865

Chủ Nhiệm:
ANH VIỆT TRẦN VĂN TRỌNG

Phụ Tá Chủ Nhiệm
HY VĂN

Chủ Bút:
DƯƠNG HÙNG CƯỜNG

Quản Lý:
HUỖNH VĂN MẠNH

Bộ Biên Tập:
HOÀNG NGỌC LÂN — THẠCH
HÀ — ĐẶNG TRẦN HUÂN —
TINH VỆ — THẢO TRƯỜNG —
TRỊNH CUNG — DIỄN NGHỊ —
NGUYỄN NGỌC HẠNH — MAI
TRUNG TÍNH — TÔ KIỀU NGÂN —
NGUYỄN ĐỨC QUANG —
DƯƠNG TRƯ LA.

Minh Hoa:
NG. HỮU NHẬT • LƯU HUỖNH
TRUYỀN • NGUYỄN HẢI CHÍ

Thư ký Tòa soạn,
trình bày bìa, nội dung:
VIÊN LINH

- Bài không đăng không trả lại bản thảo dù có lỗi yêu cầu.
- Mỗi số 25đ. công sở giá gấp đôi.
- Truyện ngắn và tiểu luận viết cho K.H., từ lần đăng thứ hai, có trả nhuận bút.
- Từ nay chúng tôi sẽ dành hai ngày Thứ Tư và Thứ Sáu, từ 11 giờ đến 12 giờ, để trực tiếp trả nhuận bút các bạn có bài đăng trên K.H. tại Tòa Soạn. Xin liên lạc vào ngày giờ đó với biên báo Quản Lý hoặc Biên Bút Thư Ký Tòa Soạn. Các bạn ở xa chúng tôi sẽ gửi Bưu Phiếu.

chỉ Thi ca, và nhất là tạp chí này lại có thể chết như mơ, trong tương nước?

HÁT TỪ LÒNG ĐẤT.

Nhằm mục đích phổ biến sâu rộng ảnh hưởng văn nghệ dân tộc, hiện thực và nhận thức vào mọi tầng lớp. liên toàn Đuốc Hồng Pleiku, trong phong trào Du Ca V.N đã và đang sinh hoạt đều đặn trong nội tỉnh với những Phương tiện eo hẹp kể từ ngày thành lập (tên cũ là Quạt Khôi)

Vừa qua, trong đêm 26. 10 tại quán Tay Trại (cũng do một nhóm bằng hữu văn nghệ chủ trương đề giúp cho các sinh hoạt văn nghệ có môi trường hoạt động) liên Toàn Đuốc Hồng đã tổ chức đêm trình bày nhạc du ca với chủ đề Hát Từ Lòng Đất.

Quán nhạc đông nghịt người, khối thuốc, tiếng vỗ tay và tiếng hát biến không khí thành một sức sống mãnh liệt. Thính giả tùy theo loại nhạc mà ưu tư hay phấn nộ, cười vui hay ngao ngạn. Những nhạc bản được hát lên trong đêm là những bài dân ca, hiện thực ca của T.C.S, nhận thức ca của Miền đức Thắng, Bài C. Thuần... và một số tình ca dân tộc gợi nhớ một quá khứ yên bình đã mù tăm. (Trần Thụy ghi)

TRONG CUỘC CHIẾN NÀY

« Trong cuộc chiến này » là chủ đề số thứ 6 của tạp chí văn nghệ Mỹ Tho. Một tạp chí của những người viết trẻ tại đây, như một lần KH đã nói đến.

Ở số này số chủ đề « trong cuộc chiến này » có vài điều đáng ghi nhận. Trước hết cái tựa với khuôn mặt của một thanh niên - uôm xuống (l) bóng một thiếu nữ băng tang trắng lồng sau mộ bia và thập tự giá. Hình ảnh quá đậm cho « trong cuộc chiến này ». Đồng thời chúng tôi cũng đọc được tin « một nén hương » trong cùng số báo: Anh Huỳnh Mặc Niệm đã tử trận ngày 23-9-71 tại chợ Gạo Hường dương 23 tuổi.

Bấy nhiêu đó, đã nói quá nhiều cho « trong cuộc chiến này » rồi!

Trong khi đó qua tin sinh hoạt của anh Thanh Văn, được biết văn nghệ Mỹ Tho đang chuẩn bị cho phát hành 2 tác phẩm: « Xa Vùng Trú Ẩn » của Khanh Uyên Vũ và « Lau sậy buồn thiu » của Trần Hoài Lữ. Cũng qua bản tin này, một năm qua văn nghệ Mỹ Tho hoạt động rất mạnh. Xin chúc các bạn sẵn có hoạt động mạnh hơn nữa.

TRONG BÓNG TỐI VĂN NGHỆ CỦA TỈNH LÊ

(— « Thật bình thản. Ngày xưa

CUÔNG NHÂN



HOẠT ĐẦU

Giáo Sư có trư khéo chuyên nghề
Đổi lập khom lưng giỏi hết chề

Công kích xong rồi xoay bọ đở
Vô luân nhập diệu dễ ai bì l.

Hậu Bô trường kia vốn xếp sông
Tạo thành liệt sĩ cứu non sông
Ba ông Đốc hốt ti như chớp
Kiu quốc, an bang tính rất thông

Sân khấu đời nay khối kẻ tài
Thay đen, đổi trắng, há nhường ai?
Sĩ phu rất những phường Ma Cạo
Phật, Chúa đều buồn, chuyện chẳng sai

các cụ có thể ngồi mà... « Ba bữa vỗ bụng râu bình bịch » để thêm trớn cho chất thơ bay ra. Nhưng quả tại hại. Nếu bây giờ ta lỡ đại đột mà ngồi vỗ theo kiểu đó, thì cứt cũng không thêm ra chữ đừng nói tới thơ.» Anh Lê Sa đã nói như vậy. Lời nói có hơi quá đáng. Nhưng đã biểu tỏ thật đầy đủ cho một tâm trạng. Cái tâm trạng cũng khốn của một nhà thơ trẻ ở Phan Rang — Anh Lê Sa.

Cho nên đáng lẽ tập thơ « Lửa đốt chiều không » của anh cùng in chung với Nguyễn ngỵ Đạt và Tô Trung Định đã toàn liệu có mặt từ 8 tháng trước. Nhưng mãi đến bây giờ các anh mới thực sự mang đến nhà in sau một thời gian cố gắng dành dụm kẻ cũng đáng thương thật! Ở những « thẳng » nghèo ham làm văn nghệ. Kẻ viết bài này có được cái « Hân hạnh » là đã đọc trước tập lại cáo của các anh. Tập thơ cũng không ngoài nói lên: Nỗi quẩn quít cô đơn của tuổi trẻ, cũng như những tù hãm vây khốn của thân phận.

Quả thực không dám chúc lành. Nhưng dù sao anh em cũng đang chờ đợi lắm đó! (Nguyễn thị Phúc ghi)

ĐẶNG TRẦN HUÂN

TỔNG THỐNG SÉNÉGAL VIẾT SÁCH

Ông Léopold Sédar Senghor, tổng thống Sénégal mới cho xuất bản một cuốn sách khá dày nhan đề là: « Liberté 2, nation et voie africaine du Socialisme » Đây không phải tác phẩm đầu tay của ông. Trước đây ông đã viết nhiều, viết văn và làm thơ. Về bằng cấp, tổng thống đã đến Léopold

Sedar Senghor có một cấp bằng mà nhiều vị tổng thống da trắng ở Tây phương không có: bằng nhạc sĩ.

Thế nhưng cuốn sách mới của ông không là một cuốn sách văn nghệ nên đọc khá nặng nề.

Nó bao gồm những lý luận, những biên bản, những văn kiện của nghị viện, hành pháp v v...

Phải chăng đây là một thứ tác phẩm tương tự như Bộ Thông Tin Đệ nhất công hòa đã làm cho cổ tổng thống Ngô Đình Diệm. một bộ những diễn văn của « người » gom góp lại đem in dưới một nhan đề « Con đường độc lập, chính nghĩa, công đồng đồng tiến » và đây như cuốn Larousse ménager.

CHẾT KIỀN MARILYN MONROE

Nữ minh tinh Ý Đại Lợi Pier Angeli 39 tuổi, mới chết bất đắc kỳ tử tại California (Hoa Kỳ). Nàng chết giống như Marilyn Monroe trước kia uống thuốc ngủ nhiều quá.

Có điều khác là Angeli chưa nổi tiếng bằng Monroe. Vì thế cái chết của nàng kém sôi nổi.

Pier Angeli được đạo diễn Léonide Moguy khám phá và cho nàng đóng cuốn phim đầu vào năm 1950, phim « Demain il sera trop tard » (Ngày mai quá muộn). Từ đó Angeli mê điện ảnh và đóng đồ luôn ở Hollywood nhưng chỉ đóng những vai không quan trọng.

Người ta tiên đoán cuốn phim « Love me, love my wife » của Angeli vừa hoàn tất sắp đem chiếu ở Mỹ sẽ đưa nàng tới danh vọng.

Tiếc thay nàng không còn để được xem cuốn phim thành của đời mình ra mắt khán giả.



HOÁN CHUYỂN

Sĩ Quan Điều Dưỡng Trưởng Quân Y Viện Ban Mê Thuộc muốn hoán chuyển với một Trưởng Trạm Quân Y Chi Khu thuộc các Quân Khu 3 hay Quân Khu 4.

Xin liên lạc với Trung Ủy Phan đình Tuyển KBC. 4392.

Sách Báo mới



MỘT NGÀY CHO NGƯỜI YÊU. Phan Lê Thanh dịch goodbye. Colum bus của Philip Roth. Hoa Nắng xuất bản. Sách dày trên 200 trang giá rẻ.

Một trong những cuốn sách được quay phim thành công rực rỡ. Cũng do nữ dịch giả của Love Story dịch ra Việt Ngữ

Nhà thơ Duy Nắng đang cho in tập thơ thứ II. Đó là tập thơ « Vãn Đời Hoài Vọng » nói về tình yêu chiến cuộc, nỗi ưu tư của một người trong đau khổ của VN..., bia do Hà Uyên trình bày. Sách in offset 3 màu, khoảng 100 trang. Tập thứ 2, sau 5 năm không in từ khi « Giấc ngủ chân đèo » ra đời đến nay.

đón đọc

Hiến Lễ Mùa Thơ

thơ của phương dài — tựa sơn nam — bia hoàng thủy kha — trình bày phổ đức.

NHÂN CHỨNG xuất bản

TÌM ĐỌC:

Ở MỘT NƠI AI CŨNG QUEN NHAU

tác phẩm thứ hai của HOÀNG NGỌC TUẤN

7 truyện ngắn, viết từ 1968 đến 1971

QUÊ SƠN xuất bản vào tháng II

BẠN ĐỌC ĐÓN CỜ

thân thể người ta

tiểu thuyết THẢO TRƯỜNG Khởi đăng trên Khởi Hành từ số tới

Bên kia một dòng sông

tác phẩm mới, công phu nhứt

⊕ Của Nhà Văn DƯƠNG-TRƯ-ŁA

Như bạn đọc đã biết, Pablo Neruda được trao tặng giải Nobel Văn Chương 71 nhờ những bài thơ của ông "có một sức mạnh thiên nhiên, mang lại sinh lực cho định mệnh và các ước mơ của một lục địa". KH 125, 128 đã nói về Neruda. Dưới đây là hai bài thơ của ông, qua bản dịch của bạn Đặng Phùng Quân.

THƠ PABLO NERUDA

● NIỀM CÔ ĐƠN CỦA NGƯỜI THI SĨ.

Cô đơn là nguồn khởi đầu của thơ Neruda. Trong những năm 1910, ở Temuco — thành phố của những người khai phá rừng miền đồng bằng Araucanie — chàng trai miền ga nhỏ nhìn mưa nam cực phủ nhòa những mái nhà gỗ, những đường sắt xe lửa, những tán cây trong rừng, chàng rời mũi thơm gỗ mới vừa xẻ, khi mưa dầm, để dẫn mình vào niềm im lặng của những tầng lá cao, tìm những tổ chim, bộ hung và trứng đa đa. Rồi một ngày "Thơ đến với tôi. Tôi không biết, tôi không biết từ đâu thơ xuất hiện, từ mùa đông hay từ dòng sông".

CHUYẾN ĐI THỨ NHẤT

Tôi không biết khi nào chúng ta đến Temuco,
Một khối nguyên mù mờ và thực sự là
Một khối nguyên muộn màng chậm chạp
Cũng là sở soạn, kiếm tìm, yêu thương, ghét bỏ.
Có nở hoa và cả những gai góc ở trong
Từ buồng ngực đầy bụi của quê hương
Người ta mang tôi lại không nói năng
Đến cơn mưa của miền Araucanie
Những tấm ván nhà chúng ta
Thoát ra hơi gỗ,
Hơi rừng trinh nguyên
Tình yêu tôi từ đó
Đã là thợ mộc
Với tất cả những gì tôi chạm mặt trong rừng
hòa thân.

Tôi lẫn lộn
Những đôi mắt và những lá cây
Và những người đàn bà với mùa xuân
Của cây phi tử, người với cây,
Tôi yêu thế giới của gió của lá
Tôi không phân biệt nụ môi với những rễ cây.
Dưới nhất riu và mưa
Thành phố mọc lớn lên.
Cắt gọn gàng như
Mặt trời sao mới với những giọt nhựa thơm
Cưa và xẻ
Yêu nhau ngày đêm,
Ca hát
Và làm việc
Và tiếng lạnh lạnh của con ve
Cắt lên lời than vãn
Trong niềm cô đơn ương ngạnh
Trở lại trong bài ca của tôi
Trái tim tôi vẫn xẻ gỗ
Vẫn ca cùng những lưỡi cưa dưới trời mưa,
Và nghiêng nạt khi lạnh mặt cưa, hương vị

● CUỘC DẪN THÂN CỦA NGƯỜI THI SĨ

Ấn cũ trong thơ với một niềm tàn bạo của e
thẹn Neruda đem kinh nghiệm cay độc của
người cô đơn nhìn lạnh lùng vào một xã hội đầy
chết trong tác phẩm "Người trên trái đất" — xuất
bản năm 1933, một cái nhìn tiên tri mà người
thi sĩ biết nóng kinh nghiệm cá nhân lên hàng



phổ quát, về sự báo hiệu khủng hoảng của con người hiện tại. Ngày 19 tháng 8 năm 1963, giọt máu đầu tiên rơi trên thơ Neruda: Federico Garcia Lorca bị ám sát (Federico, Rafael Alberti, những người bạn Tây ban nha của thi sĩ). Giờ dẫn thân đã đến.

«TÔI ĐI BAY TỎ NHIỀU ĐIỀU»

Anh đi hỏi tôi: Và đâu những cây tử đinh hương?

Và siêu hình phủ những mỹ nhân thảo?
Và mưa thường rơi xuống
Nhưng lời nói làm đầy
Bằng đá kết và chim chóc?
Tôi đi kể cho anh chuyện gì xảy đến với tôi
Tôi sống trong một khu
Ở Madrid, với những gác chuông
Với những đồng hồ, với những tàn cây
Từ khu này người ta nhận ra
Khuôn mặt lạnh lùng của miền Castille
Như một đại dương bằng da thuộc
Căn nhà của tôi gọi tên
Là căn nhà hoa, bởi vì mọi phía
Tỏa lên những bông phong lữ thảo: đó là
Một căn nhà đẹp
Với những con chó và những trẻ thơ
Raoul, nhà người còn nhớ?
Có nhớ không, Rafael?

Federico, nhà người còn nhớ?
Dưới mặt đất,
Có nhớ không căn nhà của ta và những bao lơn
Ở đó nâng thăng sáu nhận chìm những bông
hoa trong miệng người?

Hỡi anh em, hỡi bạn bè!
Tất cả
Là những tiếng rao lớn, về mặt mà của hàng
hóa.

Hàng đồng bánh mì động đậy,
Chợ búa của vùng Arguelles tôi với bức tượng
Như một nghiêng mực nhạt nhòa giữa những
cá thư khó

Dầu chảy từ những muỗng
Một tiếng động mạnh
Của những bước chân, những bàn tay làm đầy
phổ xá,

Xe lửa ngầm, lít, tinh chất
Sầu xa của đời sống
Những con cá chất chồng,
Nói tiếp những mái nhà bao quanh một mặt
trời lạnh trong đó,

Chôm tháp một mối
Mê cuồng ngả ngọc của những trái khoai tây,
Những trái cà chua đến tận biển.
Và một sớm mai tất cả bốc thành lửa
Và một sớm mai những đàn cú
Thoát ra từ lòng đất
Nuốt tươi những sinh vật
Và từ đó là lửa,
Là thuốc súng,
Và máu tươi.

Những kẻ cường đồ với máy bay và giặc Maure
Những kẻ cường đồ với những vòng nhẫn và
đàn bà đại cát,
Những kẻ cường đồ với những thầy tu đen
giáng phúc,

Rơi từ trên trời xuống để giết trẻ thơ,
Và qua đường phố máu trẻ thơ
Thường Chảy, như máu trẻ thơ.
Những giống sài lang mà con sài lang xưa đuổi,
Những đá tảng mà cây gai cứng mọc chặt nhà

ra

Những con rắn lục mà loài rắn lục gớm ghê!
Đối diện với anh tôi nhìn thấy máu
Hiện lên từ Tây ban nha

Đề nhận chìm anh trong một cơn sóng
Kiêu căng và dao búa!

Những tướng lãnh
Phản bội:
Hãy nhìn căn nhà tôi chết chóc
Hãy nhìn Tây ban nha tan vỡ:
Nhưng từ mỗi căn nhà chết chóc một loài
kim cháy nóng hiện ra

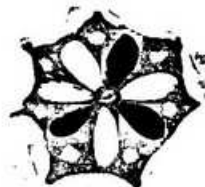
Thay cho hoa cỏ.
Nhưng từ mỗi đá kết Tây ban nha,
Tây ban nha hiện ra

Nhưng từ mỗi đũa trẻ thơ đã chết hiện ra một
cây súng với những đôi mắt

Nhưng từ mỗi tội ác nảy sinh những viên đạn
Một ngày kia sẽ tìm nơi ở
Trong trái tim các anh.

Anh đi hỏi tôi tại sao thơ anh
Há không nói đến mộng mơ, lá cỏ,
Đến những hóa sen lớn quê hương anh?
Hãy ra nhìn máu chảy ngoài đường.
Hãy ra nhìn

Máu chảy ngoài đường,
Hãy ra nhìn máu chảy
Ngoài đường!



ĐỌC « CÁT VANG » CỦA LỮ QUỲNH^[*]

S AU tập truyện « Những vì sao vĩnh biệt » của Trần Hoài Thư, cơ sở xuất bản Ý Thức lại cho ra đời một tập truyện ngắn khác, của người viết khác, nhưng vẫn là một người viết trẻ tuổi, và đây cũng lại là tác phẩm đầu tay của người viết — Lữ Quỳnh — nhan đề « Cát vàng » Nhan đề cuốn sách lại tên một truyện trong số 8 truyện ngắn làm thành tuyển tập này của tác giả ; mà theo thứ tự, những truyện đó gồm có : Cuộc chơi, Mùa xuân hư vô, Người ngồi đợi mưa, Cát vàng, Bụi đá, Bóng tối dưới hầm, Ngõ cụt và Không đi về đâu.

Tập truyện này là một chuỗi những ghi nhận. Những ghi nhận lật vật mà đối tượng — câu chuyện — thường là một mẫu đời sống rời rạc, lạc loài, rời rạc đó đây, lộ mặt mỗi ngày trước mắt chúng ta, lần khuất ở một xô xấp nào, hay chìm lặn trong một ngõ tối ngóng ngách, ở một khu phố tối tàn hay một thôn xóm đìu hiu. Tám truyện, tám mảnh đời rạn vỡ, chia lìa, hay tám cảnh huống tang thương, vụn nát. Chúng là những mảnh rời, những đứt đoạn hay thực ra chỉ là những mắt xích trong một chuỗi kinh nghiệm được kết hợp bằng một nhịp điệu đơn thuần biểu lộ qua một giọng văn duy nhất của tác giả. Bởi cảnh các truyện kể đều được dựng một cách sơ sài : những xóm nghèo, những thu lao động ở Saigon hay những thôn ấp quanh hiu, ở đó có những quán vắng, trống trải, bày biện lơ thơ và trong quán có những người khách hiếm, là những kẻ ít nhiều đã mang dáng vẻ kỳ quái, hoặc dễ thương một cách khác thường, ấy là những nhân vật của các truyện. Có thể nói tác giả đã chỉ vận dụng những phương tiện quá nghèo nàn eo hẹp của một bút pháp quá nhiều giới hạn để xây dựng bối cảnh tiêu sơ trong khắp các truyện của ông. Bởi cảnh này, thực ra nó là bối cảnh trong các truyện ngắn của những người viết trẻ bây giờ mà nội dung là chiến tranh. Hầu hết đều thế cả. Tại sao ? Tôi đã nhiều lần trả lời câu hỏi này. Lý do đơn giản nhất là sự thiếu kinh nghiệm của người viết : thiếu đi, thiếu đọc và nếu có đi có đọc thì thiếu sự cảm nghiệm sâu xa, sự nhận xét tinh tế, sự ghi nhận kỹ lưỡng, sự lãnh hội thấu đáo một hoàn cảnh, một trường hợp xảy ra trước mắt hay được mô tả lại. Bởi vậy, những « sáng tác » của hầu hết những cây viết trẻ tuổi — nhất là những cây viết xuất thân từ miền Trung — dậm chân lên nhau ở nội dung (đào xới mãi những hoạt cảnh quen thuộc trong cuộc chiến này) mà trước hết là trùng hợp nhau về bối cảnh của các truyện được viết nên.

Những mẫu người điển hình, những khuôn mặt nổi bật, những cá tính độc đáo phi thường cũng biến lạng mất khỏi các sáng tác mới này. Bây giờ chỉ còn lại những khuôn mặt nhàm chán (quá quen thuộc) của đám đông, những kẻ xuất hiện ló nhô rồi lại chìm mất trong cả rừng người, những kẻ nặc danh đeo những mặt nạ thông dụng của thời đại : người thợ, người lính, văn nhân. Trong một cuộc chiến lớn bao trùm những trận đánh nhỏ được kế hoạch hóa từng loạt, từng loạt, xã hội tiêu thụ điển hình là xã hội Việt Nam bây giờ đã quên « tiêu thụ » những biến cố đầy chuyển trong mọi lãnh vực, thì lẽ dĩ nhiên văn nghệ — hình thức diễn tả và chuộng của xã hội — cũng chỉ diễn tả hững hờ, hàng loạt những sự kiện đồng tính, mô tả từng lớp, từng lớp những hoàn cảnh cùng loại. Do đó, các văn nghệ phẩm bây giờ, ở Việt Nam, mang ý nghĩa những diễn tả trùng phùng, lặp lại nhau một cách thật đáng nản. Thế mà đối tượng của những văn nghệ phẩm đó lại là thực tế sôi nổi không phủ nhận được. Vì thế các văn nghệ phẩm nhảm vào cùng một thực tế đã chỉ công hiến cho người đọc những bài bút ký, những phóng sự, mệnh danh là « truyện » và « tiểu thuyết » một cách bừa bãi, bởi quên mất rằng văn chương không

phải là đây đó hay ông chủ của đời sống, mà trái lại chính là người tình đầy nghi hoặc luôn luôn hiện hữu như một đối thoại, một tra vấn trong cuộc diễn tả đời sống. Diễn tả văn chương vốn là diễn tả, có tính cách giả định, không thể lờng vào khung thực tại một cách nó lệ. Nhà văn là người luôn luôn tự phê phán mình, đặt câu hỏi về lý do tồn tại, nguồn gốc, cơ cấu và chủ đích, của ngôn ngữ văn chương, về sự khác biệt căn bản giữa cơ cấu tác phẩm và cơ cấu đời sống. Nhà văn làm một cuộc chọn lựa, tính lọc các chi tiết, can thiệp tích cực và sắp xếp một trật tự ngôn ngữ theo một qui ước nào đó của tinh thần sáng tạo nơi nhà văn.

Bởi sinh hoạt văn chương ở đây bây giờ thật nhốn nháo trong sự phồn thịnh giả tạo, ít ai còn dư thời giờ đặt nên những vấn đề văn chương một cách triệt để. Trong một xã hội mà bốn tư bản mại bản càng ngày càng làm lộng, mọi món hàng hóa đều chỉ có giá trị trao đổi thông dụng, và văn nghệ phẩm đã thực sự trở thành một món hàng rồi, nó chỉ có một giá trị trao đổi rất khiêm nhường, rất tương đối.

Người ta vẫn hi vọng lớp người trẻ tuổi ở đây đem lại một cái gì mới mẻ, trước hết trong lãnh vực văn chương. Nhưng trong một bối cảnh ngột ngạt như bối cảnh văn nghệ Việt Nam bây

nguyên nhật duật



giờ, hầu như giới trẻ đang chơi vơi, chưa lấy được đà đề phóng tới. Cũng như những người viết trẻ tuổi khác, như Trần Hoài Thư, Trần Yên Thảo, Nguyễn Nhược Nghiễm, vân vân; Lữ Quỳnh vẫn còn bị chi phối bởi bầu không khí khô đọng bao trùm văn chương hôm nay, chưa thoát được một cách nhẹ nhàng và tự tại như Hoàng Ngọc Tuấn.

Cả tám truyện của cuốn « Cát Vàng » đều phơi bày những cảnh trạng thế lương đen tối của người Việt Nam trong cuộc chiến bây giờ. Trong truyện « Cuộc chơi », người đàn ông kỳ quái ngồi trong quán rượu lau mình vào một cuộc chơi là tình yêu, rồi ông ta chết trong cuộc chơi lớn lao hơn, trong chiến tranh ông ta đâm phải mình. Có lẽ vì trước đó người đàn ông đã ngẩng mặt nhìn trời. Trời thì bao giờ mà chẳng đẹp, chỉ có sự chết chóc trên mặt đất... « Đó là lời kết của người bạn đồng ngũ với ông ta. Ông ta yêu một người con gái người con gái đó lại yêu bạn đồng ngũ của ông ta. Trò chơi trong đó ông ta thua thiệt câu chuyện được kể và diễn ra một phần trong quán rượu, ông chủ quán cũng có mấy đứa con chết trận. Truyện « Mùa Xuân hư vô » mô tả những cảnh nào lòng, xung quanh những cái chết thê thảm, ở một nhà xác, giữa những người lính lo chung sự và các thân nhân tử sĩ. Những gào thét, những đau thương, những cảm thông cảm nín... Mỗi người một tâm trạng, đều tẻ tái như nhau trước những cái chết của chiến sĩ. Truyện « Người ngồi đợi mưa » diễn tả tâm trạng bị phần ngồng cuồng một quân nhân đào ngũ say rượu giữa đêm khuya trong xóm vắng. Hắn đã chứng kiến bao nhiêu trò hề, bao nhiêu bị kịch cũng như đã từng tham dự bao trận đánh trong đó hắn đã từng ôm nhiều tử thi đồng đội mà khóc. Bây giờ, hắn chán ngán hẳn một mối, hẳn cười sặc sụa trong hơi bia nồng nặc, hẳn đối đáp một mình, hẳn đập bẻ ly... Niềm

đau khổ vì chiến tranh đã được tận thụ hết trong cơn say của người đào ngũ. Truyện « Cát vàng » gọi lại kỷ niệm về một người lính âm thầm sống, âm thầm chịu mọi đầy đọa ngục tù và âm thầm chết trong chuyến xồng tù nhân dịp tết Mậu Thân. Thành phố bây giờ nhiều xác người quá nên thân thể chiến chẳng gây thêm sự tò mò nào cho kẻ còn sống. Chiến bị ngã giữa lúc muốn vượt qua con đường con đường dẫn tới căn nhà quen thuộc, Nạn nhân trong một cuộc chiến đầy ý nghĩa mơ hồ ! Truyện « Bụi đá » kể lại cuộc sống cơ cực của hai cha con một lão già làm nghề đập đá ở ven sườn núi. Vợ lão bị xe Mỹ cán chết ngay gần chỗ làm việc, đứa con trai duy nhất của lão, sau cùng, quá mệt mỏi và chán nản, bỏ đi lính trước khi tới tuổi quân dịch. Lão còn lại một mình, già nua, đuối sức, run rẩy, lão hoang mang lo sợ một ngày mai không cơm áo, khi không còn làm việc được nữa. Lại thêm một nạn nhân khốn cùng của chiến tranh ! Truyện « Bóng tối dưới hầm » thuật lại cảnh ba người trú ẩn dưới hầm sâu, người đàn bà cầm chìa khóa hầm lên mặt đất không trở lại; con gái bà ta thì đau tim và thối loạn thần kinh bị giữ làm con tin ở dưới hầm bởi một người đàn ông họ động bị mất, thêm vào đó là một thanh niên đã nghĩ có lựu đạn bên người. Cả ba : người con gái, người đàn ông và thanh niên kia cùng trú ẩn dưới hầm sâu tới tám đề tránh pháo kích và tránh ruộng bắt. Có con gái lúc nào cũng sợ sắp lìn cơn điên, người đàn ông trấn an cô ta và thanh niên thủ thế đề phòng. Họ không nhìn rõ mặt nhau Họ bị nhốt dưới hầm trên hai ngày, hết lương thực, mà người đàn bà không trở lại. Bà ta chết trên mặt đất rồi chẳng ? Có con gái bà ta tự tử bằng cạnh sắc của chiếc ly vỡ để khỏi làm phiền hai người kia. Còn lại người đàn ông và thanh niên, họ đều chờ đợi bóng đêm báo hiệu qua lỗ thông hơi để tìm cách thoát thân Đây là một tấn thảm kịch ba người, kết cấu rất vững vàng, thích đáng, sôi nổi, đầy kịch tính. Cuộc gặp gỡ giữa ba định mệnh bất tương hợp với nhau nhưng bắt buộc phải nương tựa nhau. Cái chết của người con gái điên là kết cuộc cần thiết để hai người còn lại đủ sức chịu đựng (và chịu đựng lẫn nhau) trong lúc chờ đợi thoát thân. Một tấn kịch thời chiến (không đến nỗi hiềm những tấn kịch loại này) được diễn tả một cách gọn gàng và độc đáo trong 20 trang giấy cỡ nhỏ. Có lẽ đây là truyện giá trị nhất, đáng kể nhất xứng đáng duy nhất về mặt kỹ thuật, trong toàn thể cuốn sách. Đến truyện « Ngõ cụt », tác giả muốn diễn tả tâm trạng của trạng của một thanh niên lại Tây, mẹ hắn bị hiếp mà sinh ra hắn và bây giờ hắn làm nghề ma cô. Từ bé đến lớn hắn luôn luôn bị ức hiếp từ từ phía và càng ngày hắn càng nhiều mặc cảm, càng uất nghẹn cho thân phận lạc loài khốn khổ của mình. Hắn quyết định tìm lối thoát để rời bỏ cái nghề đề nhục hiện tại. Và chỉ còn cách duy nhất là đi lính ! Với quyết ý đó, chợt

một ý như muốn nhếch cười, nhưng cũng cùng lúc đó, y chợt cảm thấy cay cay ở khóe mắt... y dĩ nhiên là vì tủi thân, bởi hẳn quả là « nạn nhân di truyền » của hai cuộc chiến tranh liên tiếp. Truyện đơn giản mà phong phú, chân thực mà mỉa mai, tự nhiên mà chua xót ! Sau cùng truyện « không đi về đâu » diễn tả tâm trạng hoang mang và chán chường của một thiếu niên mới côi cha, mẹ bỏ đi lấy chồng bỏ vợ chỉ muốn hắn đi lính cho khuất mắt. Hắn buồn chán, bỏ đi, nhưng đi đâu ? Đi một đống xe đồ rồi lại quay về thành phố cũ. Hắn buồn khổ, « Phải xé rách cái quá khứ, Phải xé cho

(Xem tiếp trang 16)

⊕ « Cát Vàng » tập truyện của Lữ Quỳnh, Ý Thức xuất bản, 1971, dày 128 trang, đề giá 140 đồng.

K H I tôi trở lại Huế vẫn chưa có được một cơn mưa đầu mùa. Thành phố luôn luôn đáng ghét của sự đợi chờ trầm lặng. Những ngày trời không nắng không mưa, đã chớm sang thu. Hình như ở nơi nào thì mùa thu cũng là mùa mang nhiều kỷ niệm cho đời người. Tôi không tiếc trở về không đúng lúc, thiếu những cơn mưa đêm ngập chùn thành phố, thiếu màn mưa bụi hạt hiu. Mùa thu có quá khứ cất dấu, tôi tìm lại nơi ngọn cỏ, lá cây, nơi những con đường êm ái.

Trong cơn nắng nữa vời rồi tắt, giồng sông trước mặt nhà xanh thắm đi kỳ. Thấy sông nước là thấy được niềm ước ao. Người bạn thân thiết đang ngồi bên tôi, trên một bờ đá của bến nước. Chúng tôi vẫn còn như xưa, dù tôi là kẻ sung sướng trở về ngắm nhìn thích thú hạnh phúc (thứ hạnh phúc lãng đãng) dù Thiện tự cảm thấy nhàm chán với đời sống ở đây, tự tạo ra một nghị lực phần đầu nào đó, rồi quên lãng. Vì vậy Thiện cũng như tôi đều có một sự cao ngạo nguy trá, vênh vang và đáng thương Thiện cất tiếng, giọng nói mang nét buồn sâu kín:

— Kể cho mình nghe những gì của Văn với đời sống mới đi.

Tôi im lặng, buồn thối hai chân xuống nước. Buổi chiều đẹp và buồn, hình như đời tôi là những buổi chiều như thế này, sự rạo rờ và tàn tạ nổi tiếp trộn lẫn nhau. Không có gì đáng kể cho bạn để tạo nên một sự nghiêm trang trong câu chuyện, tôi nói với thiện lững lờ cùng với nụ cười bốn cọt:

— Còn nhiều ngày để hàn huyên tâm sự. Ngồi đây một lát, chờ hết nắng tự mình lên Nam Giao chơi.

— Ngày xưa có phải Văn đã ở đó không nhỉ?

— Ừ, gần chùa, nơi căn nhà có nhiều cây khế và giàn hoa giấy trước cổng. Thuở ở trên đó, mình như cánh bướm, quá bé nhưng chẳng có gì đáng nhớ, ngoài tuổi thơ ra.

Thiện nhắc lại những điều xa xôi:

— Mình nhớ ra rồi, khi Văn dời nhà về bên này sông; tại mình mới bắt đầu thân nhau hơn phải không?

— Vì chúng ta bắt đầu lớn lên đấy thôi.

Ngừng lại im lặng rất lâu, chúng tôi nhìn ra xa bên kia sông.

Trong trí mỗi đứa đều có một lò quá khứ hiện về. Tôi nhớ đến những đêm rằm người ta thả đèn trên sông, những bông hoa giấy màu. Trời tận cuối dòng là những vì sao trên mặt nước. Đêm trăng ngồi ở đây không gì thú bằng, cái đẹp của đất trời có ma lực thu hút để biến ta trở nên thần tiên. Tôi đã say theo những đêm trăng trên sông này ở Huế, say đến ngất ngây hạnh phúc. Nửa đêm vén màn nhìn qua cửa sổ, trăng ở trên những bông hoa, trên những giọt sương. Trăng chảy như suối thành máu trong tim. Tôi chỉ có thể nói một điều: Huế bao giờ cũng đẹp, nhất là khi tôi bỏ đi, được trở về nhìn lại. Thiện quay sang nhìn vào mắt tôi nói:

— Mình biết Văn đang nghĩ gì rồi. Đôi mắt Văn tràn đầy hạnh phúc.

Tôi im lặng mỉm cười. Thiện đưa tay vuốt lại



HOÀNG THỊ KIM sống sương mù

mái tóc dài, tôi để ý Thiện không còn cắt tóc ngang vai. Chiếc áo dài trắng bạn đang mặc không còn sự trẻ dại như xưa, Thiện bây giờ có dáng dấp buồn và già dặn ra phần nào. Có lẽ tại mái tóc quá dài của nàng, mang vẻ lê thê của cây dương liễu vào mùa đông?

Tôi hỏi, giọng chậm rãi tiếc nuối:

— Sao Thiện không để tóc ngắn như xưa?

— Lâu rồi tóc mình không cắt bớt đoạn nào.

Văn biết để làm gì không?

Tôi cười bông lơn:

— Hoặc búi tóc làm thiếu phụ, hoặc làm lớn tuổi phải không?

Thiện cười theo tôi, một lát im lặng, nàng nói với vẻ nghiêm trang đột ngột:

— Mình đang theo "Chủ nghĩa sống", đếm ngày tháng đời trên suốt tóc.

— Vậy thì đau đớn quá lắm, cắt phăng mái tóc cũng như cắt phăng ngày tháng của Thiện ơi!

Thiện im lặng. Tôi đọc tiếp một câu thơ:

"Nhớ ngày vui đã qua. Bên người thơ ngày tóc thề như tơ lứt ngang vai"

— Văn vẫn còn thích bài hát đó sao?

— Thích chứ. Thích nhất là đoạn "Cánh chim đã bao phen giang hồ, ngờ đâu dừng tâm hồn bên em..." Thiện thấy không như hình ảnh con phượng hoàng gây cánh. Đẹp và đáng yêu lắm chứ.

Thiện bật cười to:

— Bạn nói chuyện như một gã con trai tán gái, ở đây có hai ta, hai nguyên thị, nhớ chứ nữ thi sĩ!

— Tâm hồn chúng ta vẫn là những ngóng trông. Mình không đùa đâu, về đây những ngọn cỏ, góc cây đều đẹp quý giá. Tầng mây nơi đây cũng dịu dàng hơn lên. Thiện phải đi, vắt bằng

Chưa một đường xanh rêu phủ lên
Bụi chưa cõ tích đọng bên thềm
lòng ta sao lại sầu hoang miếu
Rêu bông từng xanh bụi cũng thêm.

Chợt cũng như người xưa khấn xin
Thời gian dừng lại cánh êm đêm
Cho ta hưởng trọn thời xuân sắc
Đừng vội vàng bay tựa bóng chim

Chỉ có từng không trắng lẻ loi
Dặm xa thoáng lại tiếng bên trời
Ngày đi tháng lun đời qua mãi
Mộng cũng theo ngày tháng thoáng trôi.

Chân muốn rời xa lòng chẳng đành
Hồn chừng lên ngọn nến lung linh
Đề nghe cho rõ từ hư ảo
Nỗi cách nào như em cách anh.

cấp chữ nghĩa đều đặn của Thiện đi, cái lò luyệt ở đây, quá lắm cũng chỉ biến Thiện thành cái máy nói là cùng thôi...

Tôi chợt dừng lại, nhớ ra giọng điệu hơi quá khích, cầm nhẹ tay Thiện đứng dậy nói nhỏ:

— Mình lạc đề mất rồi. Thôi, tại mình đã chớ khác chơi Thiện.

Thiện im lặng sâu kín, chúng tôi thong thả đi lên cầu, ngang qua một quán nhỏ dưới chân đồi, một quán café đã giữ lại, nhiều quá khứ của đời tôi. Tình bạn và tình yêu thấm thiết ở đó. Bởi hồi và rung động, tôi quay đi bước nhanh. Những ngày tháng lang quên nỗi đau khổ chán chường cũng như hạnh phúc ngọt ngào, bắt đầu cho đời là nơi góc bàn khuất bên khung cửa nhìn ra chuyển tàu chiều trở về. Tôi chỉ có thể nói với Thiện về những giọt nước mắt nửa khuya tỉnh cò và tức tui nhưng tôi không thể nói với Sơn những dự tưởng, nỗi đớn đau trầm lặng. Tình yêu mãi mãi như những chiều ngồi đợi chuyển tàu chạy qua thành phố. Tôi cũng cố gắng vỗ về hạnh phúc của mình như cố gắng đánh tan sự tàn tạ thất bại nơi tâm hồn; thấm thiết gần liền tình yêu. (Chàng ngồi trong góc bàn đó nhìn đứa con gái nhỏ nhìn ngày thơ chiều chiều đi học ngang qua. Dáng đi chim sẻ, mái tóc ngắn học trò. Nụ cười em rạo rờ, mắt em sáng quá. Một tháng liền như vậy, chàng sống dần dần với hình ảnh đó. Anh phải nói cho em biết là anh yêu em, anh yêu em. Kỳ dị thay, tâm hồn em là trái xanh tuyệt diệu) (hồi tưởng). Sơn tỏ tình với tôi như những mối tình của những kẻ khác, nhưng tôi yêu ngay chàng, tâm hồn đồng đều trời xui gặp gỡ. Ở những mối tình đầu ngày thơ mộng vẽ mới thấy đời đang hai cánh tay khô gầy guộc đón chờ mình. Thế nhưng, nơi điểm cuối chia lìa, tình yêu hiện ra mãnh liệt hơn trong tâm hồn. Đôi mắt tôi là cả một vùng chiến tranh nhưng con tim đây một sự vỡ tan. Trong giây phút này, trí óc là một sự thiêng liêng nhất. Thiên không còn đi bên cạnh tôi, Tôi lãng đãng với trong mơ, quỳ xuống hôn quá khứ. Nhưng tại sao kia chứ, tại sao mối tình lại vỡ, tại sao đời chính chàng con say không ngừng.

Tôi đang đứng trước căn nhà thời thơ ấu. Giàn hoa giấy nơi vòm cổng dần lên mấy bậc tầng cấp vào nhà, đang mùa nở bông đỏ ối. Thiện lay khẽ tay tôi làm vỡ giấc mơ:

— Vào không, hình như nhà không có ai ở.

Tôi gạt đầu im lặng cầm lấy tay thiện bước vào sân. Chúng tôi đi với dang điệu thành khẩn sung sướng, nơi hồ cá đã rêu mốc khô hết nước này, nơi những bậc thêm bước vào nhà loang cổ những vết nứt, nơi ngọn cây lá cỏ là những ngày thân yêu đã qua. Một thế giới xa xôi nhìn lại ngỡ là một giấc mơ. Tôi đã sống một đời sung sướng ở đây, có ba mẹ, có anh chị, có đủ những ràng buộc thông thường hạnh phúc cánh cửa đã khép kín, khoá lại bằng một vòng thép cứng. Tôi đứng ghé mắt nhìn qua khe lá sách tối tăm không thấy được gì. Vòng ra phía sau, một vườn cỏ lên cao, hiu quạnh. Thiện khẽ nói bên tôi:

— Nhà bỏ hoang, quanh quẽ quá nhỉ!

— Mình mong trở lại thấy được thế này, hơn là thấy người khác đang xử dụng.

Thiện quay lại nhìn vào mắt tôi. Ngồi xuống trên bậc đá ở hè nhà, tôi nói bằng quơ, chỉ vào tận cuối vườn, khuất sau hai cây khế lớn:

— Thiện nhìn đằng kia đi, ở đó có hai ngôi mộ đã lâu lắm rồi. Ngày xưa mình còn bé, anh Nguyễn hay kể là người dưới ngôi mộ đó biến thành hai con rắn xanh, ban đêm hay bò ra quấn lấy nhau nhất là đêm rằm hoặc ba mươi.

Thiện ngồi sát vào tôi:

— Thế có khi nào Văn thấy không?

Tôi bật cười nhỏ trong họng, nói giọng vui:

— Ngày đó, có bao giờ mình dám ra đây đâu.

Nhưng mà chắc anh Nguyễn nói thật vì hai người dưới mộ đó là hai vợ chồng chết trẻ, lý do là sao mình cũng không rõ lắm.

— Bà con với Văn chứ?

— Không, họ là chủ ngôi nhà này và là bạn của ba mẹ, đấy thôi.

Gió thổi nhẹ trên ngọn cỏ, buổi chiều hoang vắng trong khu vườn quanh quẽ. Chúng tôi đứng dậy đi ra trước nhà. Thiện nói:

DUY NĂNG



DẤU TÍCH

Ta còn nghe rõ bước chân em
Thoảng nhẹ gần khi bóng nguyệt chìm
Một cách không gian ngàn nỗi mộng
Lòng xanh cũng sống ướt sương đêm.

Như thoảng quanh vùng gỗ đá kia
Còn hương phấn của buổi em về
Ở trong cành lá sao còn đọng
Như mắt em còn ôm bóng khuya

— Nhà thơ này, bỏ hoang trông buồn quá nhỉ?

Nơi xong, Thiệp hát nhỏ một đoạn bài ca giọng rung cảm, Tôi đứng yên lặng dựa vào hồ đá nhìn trông lung khắp nhà, có một thứ hạnh phúc ngấm ngấm ở trong mắt, ngập tràn tâm hồn. Buổi chiều nơi căn nhà này là khúc nhạc buồn, tiếng hát của Thiệp vô tình gọi lại một hình ảnh đã trôi qua: tiếng hát của anh Kham lần đầu tiên trở về sau những năm dài bỏ Huế ra đi. Cũng một đoạn hát ngắn đó, ngồi trên bậc đá này, đôi mắt sáng lên sung sướng. (Tôi còn nhớ rõ ánh mắt lạ kỳ rực rỡ đó) thứ sung sướng đến bây giờ trở về đây tôi mới biết được, anh Kham ôm đàn hát. Tiếng hát hòa lẫn với mùi hoa buổi thoảng hương trong vườn, ru tôi ngủ quên đi bên vai anh. Hai năm sau trở lại, anh Kham và Thiệp yêu nhau. Bây giờ chúng tôi sắp lớn lên. Tình yêu của họ làm đậm thêm tình bạn giữa chúng tôi. Có người yêu trong thành phố này, anh Kham trở về luôn vào mỗi dịp tết hay sau những chuyến bay được nghỉ phép bất thường. Tuy không nói, nhưng ba mẹ và chúng tôi đã chọn Thiệp đi vào gia đình. Thiệp đắm chìm như tình yêu giữa anh Kham và nàng, đây đủ ước mơ. Nhưng có thứ ước mơ chỉ đến nửa vời. Thiệp không bao giờ biết anh Kham sẽ không trở về với nàng nữa, chuyến bay vừa qua đã mất tích. Tôi là người trở về mang theo sứ mệnh loan báo tin đó cho Thiệp biết. Đến lúc này, buổi chiều đã tắt nắng, tôi cũng không thể nào nói rõ cho nàng biết sự đón đầu, một hạnh phúc không còn. Gia đình tôi thì đã biết hơn một tháng qua, ba tôi vẫn lặng lẽ và mẹ tôi đã ngồi ngoài. Một tháng qua Thiệp không nhận được tin tức của anh Kham, gặp lại tôi Thiệp vẫn im lặng. Tôi không ngạc nhiên vì sự im lặng cố hữu của nàng, dù chắc chắn Thiệp chưa biết tin anh Kham mất tích. Ngày xưa, ban đầu yêu Thiệp, anh nói an ủi yêu đôi mắt và sự im lặng của nàng. Tôi mất đi người anh ruột thật thân yêu, nhưng Thiệp mất đi hạnh phúc của nàng. Tình yêu là hạnh phúc, hạnh phúc của Thiệp ngay khi còn anh Kham thỉnh thoảng trở về, vẫn thường trực bị đe dọa bởi những phi vụ gặp nạn, mất tích, nửa đêm tiếng súng từ xa vọng lại, Thiệp lo cho người yêu và sự hạnh phúc của mình.

(Xem tiếp trang 14)

TÔI THUY LIÊN nổi chết



THUY mở choàng mắt dậy cơn sốt còn văng vất nghe như một nỗi mơ hồ. Không biết bây giờ là mấy giờ, chiếc đồng hồ quả quýt trên đầu giường đã chết liệt tự bao giờ. Thời khắc như đã lùi xa mất hút bên ngoài cánh cửa. Cánh cửa của mỗi ngày mờ ra và đóng lại đều đặn, đúng giờ đúng khắc. Giống như Quân chồng nàng ngày ngày bốn lượt đến sở và ra về, không sai không chạy, giam cầm



khi nào LÂM HẢO KHÔI

khi nào cánh hoa trong vườn rụng
em hãy nhặt để dành cho anh



Thuy trong cơn bệnh, thoáng nhẹ như khói sương nhưng hoài hoài không dứt.

Có lẽ Quân đã đi lắm từ lâu sau buổi cơm trưa một mình và sau những chăm sóc hồi hân đậm thắm. Nỗi đậm thắm kéo dài trong một năm và những tháng đời Thuy mà giờ đây trong cơn bệnh nàng vẫn nghe như những nỗi tình cờ.

Thuy nhìn ra cánh cửa và hình dung thấy Quân ở đó, mỗi cười mắt sáng trong ngầu lời thương yêu trao gởi. Với Thuy. Với căn phòng chung đôi số phận như nỗi hạnh phúc tuyệt vời viên mãn. Nhưng trong Thuy là những nhần nhỏ, những lên tiếng dưng dưng của một dự ước đồng hòa. Đời đời. Suốt kiếp cho Thuy là mình trong dáng dài màu thuẫn. Hình bóng đó. Nồng thắm đó và cũng đứng đưng đó. Nếu có thì như là như xa nếu vắng thì như trống không càng thắm và chất chao khó thở.

Thuy nằm im và cố lắng nghe. Như kiếm tìm cái âm thanh đời sống mà từ lâu lắm đã đồng lõa với giấc ngủ với lãng quên để nhận chìm nàng mất tăm trong nỗi vô tình. Như kiếm tìm ở đó một bầu vùi trần an để đánh thức mình trong cái chói dầy muộn màng. Nhưng vắng ngắt. Nhưng lặng lẽ. Thật lâu và rất rõ. Càng thu mình lắng nghe để thấy mình như càng sa vào thẳm nút của im lặng vô bờ. Và nàng thấy hiện thể cơ hồ như mồi meo như đồng hòa trong chiêm cứ ở ạt của nỗi thình lạng tận cùng.

Cũng chính trong nỗi lặng im bị thiết này Thuy đã trông, đã thấy ý nghĩa số phận nàng và hiện thực cuộc đời. Nơi đây, miền tính lễ trở vô thẳm lặng Thuy theo Quân như một hiện hữu lưu đây. Thách thức cuộc đời đi tìm cuộc sống.

Giã từ đó vùng phố phường sôi động những mơ ước những bạn bè. Giã từ một thời của nỗi sôi bùng binh, của những dẫn thân kiếm tìm thần tượng. Miệt mài trong những phản kháng những nỗi dậy ồn ào. Cho lý tưởng nhiệt cuồng, đam mê thôi thúc Cái tuổi trẻ khó chịu an bình ghét cay thỏa hiệp như bùng dậy những triển miên bất mãn cuốn lôi tuổi trẻ trong Thuy trong bạn bè dẫn thân nhập cuộc, Dẫn thân đi tìm cuộc đời đi tìm ý sống. Để lánh thoát ra khỏi những giới hạn không đủ làm thỏa mãn dự ước về cuộc đời. Cái nỗi dậy trong tuổi trẻ Thuy và bè bạn là cái nỗi dậy có ý thức, hướng thượng để xây dựng chứ không phải nhập hạp hạ để phá hủy, bôi đen. Nỗi dậy đó như một thiết tha muốn sống muốn lấn vào góp mặt chen vai. Như niềm bàng hoàng nhận thức bị bỏ quên kêu gào hướng mắt nhìn về nỗi cô đơn của tuổi trẻ nơi lớp trước đàn anh. Như vừa kiểu

hoa phù dung chiều tàn sớm nở
em một lần bờ mắt long lanh

khi nào hạt mưa bay đầu ngõ
em hãy nhìn thật lâu cho anh
một chút mưa có bao giờ lạnh
rồi thôi em xin ngủ an lành

khi nào thấy đàn chim én liệng
em hãy ngồi thêu lại khăn bông
để sớm mùa xuân nào hạnh ngộ
em mừng ai lệ thấm khăn hồng

khi nào thấy đoàn quân chầm bước
em hãy cúi đầu như ngày thơ
trở về nhà gối tay mà khóc
cũng êm đềm như một giấc mơ

khi nào cỏ thụ ngoài sân trống
không còn lá đề mùa thu
em hãy tựa cây già mà nhớ
bóng ai xưa giờ đã sương mù

hạnh muốn ngang bằng như vừa van xin những thông cảm thương yêu.

Và thời gian như một thoáng chớp hững hờ trong cuộc đời con gái. Thuy về đây bỏ lại những hương hoa thiếu nữ đôi nhận lấy khuôn mặt thiếu phụ của số phận. Chẳng thiết tha cũng không hề hững. Nhưng Quân những hạnh phúc nơi đây chỉ là một hạnh phúc viên mãn đau thương. Quân đó, vẫn nồng nàn tha thiết, vẫn quấn quýt hương yêu nhưng trong Thuy là những ngán ngao bưng bưng chỗi dậy. Nỗi ngao ngán thất vọng như kéo Thuy vào cái chết trong nỗi sống với Quân khi nhìn thấy nơi đời tượng tựa nương thiếu hẳn những mơ về bằng thể hiện chung đôi. Thuy là bóng ảnh làm đẹp đời Quân nhưng Quân đã không làm sáng làm mới được đời sống Thuy và Quân đã giết chết nàng trong nỗi vô tình bất lực đó. Bên Quân, Thuy cũng chỉ thấy mình là một kẻ bơ vơ ngoài cuộc sống cô độc giữa cuộc đời vắng tanh buồn thẳm. Tình yêu đầu chỉ là một thể hiện chung đôi khép kín này thôi. Nên hạnh phúc mà cuộc đời nhìn vào ban tặng chỉ là thứ hạnh phúc khó khăn vắng ngắt mà Thuy phải đón lấy trong nỗi bị thương bằng bật dục dâng như một ẩn song của số phận. Với cuộc đời Thuy như là mặt, đôi khi xa lạ với ngay mình bởi phần số như dồn Thuy vào một vị trí mà bản thân không biết hành động ra sao để chu toàn ý nghĩa.

Trong Thuy dường như đang sống cho hai hiện hữu, hiện hữu thực hữu của cảnh đời Thuy tham dự như muốn Thuy yên ngủ thỏa hiệp trong vòng tay hạnh phúc của Quân và một hiện hữu viễn tượng của dự ước mơ về như đánh thức những phản kháng vẫy vùng trong người Thuy trước bóng sắc hạnh phúc lặng lẽ đó.

Nhưng thời Bây giờ là hết. Sống như chỉ một thời để chết trong trọn kiếp. Chết mất tăm trong một đêm chấp nhận thân phận đàn bà và làm thành dục sống mới. Thế nên tôi phải giết chính tôi, giết chết mình trong cuộc sống hiện thực của cảnh đời và tôi thân nhiên sống như thách thức cuộc đời như ủi an thân phận. Không một ao ước tự hình. Không một đam mê huyền dụ.

Bằng những ngày với nỗi chết hững hờ đời sống này dường như tôi không còn tham dự nữa. Nhưng không tham dự vẫn không có nghĩa là đứng lại. Tôi hiện thể bé nhỏ muốn đứng nhưng cuộc đời vẫn chảy trôi cuốn xiết. Và tôi ngấm tôi trong những chuyển dịch xô lừa đó. Ngấm để thấy không thể tách rời, bởi tôi không sống cho tôi mà cho hai số phận trong một dự ước đồng hòa.

(Xem tiếp trang 14)

Đừng tựa nệm tựa ba trên thềm cầu quán ăn cộng đồng, các SVVN nói chuyện ồn ào. Như thường lệ, họ đưa ra những câu hỏi bằng giọng không lối thoát: — Bây giờ làm gì đây? — Đi cine, đánh phé, ngồi tán gẫu... — Về nhà nghe nhạc — Cái giải pháp sau cùng có vẻ hợp lý hơn cả.

hà nam định

NĂM TRÊN QUÁN TRỢ NGHE TIẾNG HÁT QUÊ HƯƠNG

HÀU HẾT SVVN ở ngoại quốc mỗi người đều có tập riêng cho mình 1 máy ghi âm để thu những bản nhạc ưa thích. Cái máy ghi âm đối với họ cũng như cây đàn khoác trên vai những tay lừng lẫy, giang hồ. Những buổi tối rỗi rãi, 1 nhóm SV tụ tập trong căn phòng nhỏ bé, nằm gác chân lên nhau, cùng thưởng thức những bản nhạc VN chọn lọc. Họ cùng hát lên khe khẽ, để cùng quên đi những trớ trêu, hoang vắng, để cùng nhau gọi niềm thương nhớ, hoặc để cùng nhau quay về dĩ vãng, về những kỷ niệm đẹp thuở ấu thơ.

Riêng tôi, tôi thích nghe âm nhạc một mình hơn; trong một căn buồng tĩnh mịch, tôi ôm. Phải dứt khoát hẳn với thế giới bên ngoài vì theo tôi nghe âm nhạc là đi vào huyền thoại, đi vào không gian hư tưởng.

Liếng có gì huyền diệu bằng âm nhạc khi ta tìm thấy trong đó 1 ý nghĩa của cuộc sống, 1 phương tiện để chiêm ngưỡng những nét đẹp của thiên nhiên và cao xa hơn nữa, để vượt thời gian mà giao hòa cùng vạn vật (như trường hợp của Sư Khoáng thời Chiến quốc). Tôi ngồi lặng yên nghe âm thanh xoáy tròn trong từng tế bào từng thớ thịt, để cố gắng loại trừ mọi ma sát của cuộc sống thường nhật. Có anh bạn cho tôi là câu kỳ tích kỳ, có anh khác cho tôi là thiếu thực tế. Nhưng theo tôi, có lẽ như vậy mới đúng. Tôi thường thức được trọn vẹn cái hay của bản nhạc; ở đây tôi không muốn nói đến cái hay trên bình diện nghệ thuật mà chỉ muốn diễn tả cái hay theo cảm quan của 1 người sống nhiều của nội tâm; qua lăng kính nghệ thuật, cái hay của 1 tuyệt tác thật khó đo lường nếu không muốn đề cập đến những concerto, những symphonie, những valse, những tấu khúc lừng danh của các thiên tài J. S. BACH ? BEETHOVEN S. PROKOFIEV, J. STRAUSS, STRAVINSKY.... Cái hay của những bản nhạc VN là chúng đã đem lại cho tôi những giờ phút thoải mái, êm đềm chúng đã làm sống dậy nơi tôi cái « Hồn Nước » cái « Hồn Nước » mà ba tôi hằng nhắc nhở đến khi người còn dạy dỗ học trò ở 1 trường trung học nọ hay khi người nhắc nhở các SV tại viện QGHC. Ngày ấy tôi còn bé lắm hầy còn ở bậc tiểu học thị phải. Nay tôi mới biết rõ cái tầm quan trọng của danh từ này, càng quan trọng hơn đối với những người chịu kiếp sống tha hương. Chính vì lẽ đó, mà tôi đã tìm lại được « Hồn Nước » qua thi ca VN qua ngôn ngữ của đồng bào tôi, qua âm thanh của

xứ sở tôi, qua những điệu hò nhịp hát của Quê hương tôi. Người SV buổi sáng phải chịu đựng những giờ thực tập mệt mỏi nơi bệnh viện, buổi chiều phải lăn lộn với những biểu đồ, những con số nơi viện Khoa Học, buổi trưa buổi tối, đắm đuối âm thực với những SV ngoại quốc, trong 1 khung cảnh quen thuộc nhưng xa vời, thấy mình một ngày một đi xa hơn nơi mình đã sinh trưởng. Giờ đây, anh thấy lòng mình dịu lại, niềm cảm xúc bao lâu nay khép kín bỗng vỡ tung ra chan hòa trong lời ca tiếng nhạc.

Hồn Nước đã trở về trong tôi qua những nét đặc thù của từng nhạc phẩm. Từng ca sỹ, từng nhạc cụ. Ngồi thưởng thức một bản dân ca khác hẳn khi thưởng thức một tình khúc hôm nay hay trường ca. Niềm cảm xúc dâng lên rào rạt: mỗi khi tiếng hát của quê hương miền Bắc trở về trong gian phòng ấm áp, mang theo những hình ảnh tuyệt vời của những hồ Hoàn Kiếm, đến Ngọc Sơn, hồ Trúc Bạch và xa hơn nữa, của những bãi biển Đồ Sơn, vịnh Hạ Long, hang Từ Thức v.v... Những thắng tích đó, về phần tôi, tôi chưa có dịp du hành thăm viếng vì lẽ tôi vào Nam khi tuổi ứa lên một. Nghe đề mà tiếc, nghe đề mà thương, nghe đề mà ngậm ngùi đau xót cho những trận mưa dầm, cho những cơn lụt lội, cho người dân quê miền Bắc một đời lam lũ. Có lẽ vì muốn cảm thông với nỗi niềm thống khổ của 1 quê hương ít may mắn, cho nên VN thiếu phần bù trừ tráng của những ca khúc Đức, thiếu chất giục giã thán loạn của những nhạc bản Hoa Kỳ, thiếu chất hồn nhiên dóm. Vì vậy khi thưởng thức nhạc của quê hương, mỗi nhạc cụ đối với tôi đều có tiếng nói riêng của nó, tiếng nói của vạn vật, tiếng nói của muôn thú, của rừng thiêng nước độc, của những bộ lạc du mục



thời tiền sử, tiếng nói của người dân Bách Việt vào những ngày đầu lập quốc. Cho nên ngoài tiếng hát của người ca sỹ, tôi cố tận dụng trí lực của mình để phân tích và nhận định từng điệu rung thoát ra từ một chiếc vĩ cầm, một dương cầm, một saxo, một flute, một trombone, hay một contrabasse... Những khí cụ trên có tác dụng tạo dựng nên một bối cảnh linh động trong đó tiếng hát người ca sỹ sẽ là biểu tượng của nền văn minh VN qua quá trình lịch sử 4 000 năm. Cộng thêm với sự liên kết của 4 tọa chính (3 tọa độ của không gian và 1 tọa độ của thời gian) người SV thành gia tưởng chừng như mình tùy thuộc hẳn vào cái khối hỗn mang tinh âm và màu sắc, vào cái không gian 4 chiều để thấy mình lạc loài ra ngoài cái vũ trụ hiện hữu trẻ thấy linh hồn mình bập bềnh trôi nổi trong lớp khí quyển muôn vàn biến dạng, để mở cuộc hành trình du nhập vào sự biến thái của quê hương. Tôi bắt đầu ấn nút...

— TIẾNG HÁT VỀ NGUỒN

Đó là những bước đầu chập chững trong dòng tiến hóa của dân tộc, đó là những tiếng khóc chào đời, những ánh mắt thiên thần nhìn vào vùng trời trước mặt chưa một lần ô nhiễm, là những tiếng bập bề của trẻ thơ vừa biết nói. Đó là tiếng hát của Quê hương thơ mộng, tiếng hát của Phạm Duy vậy.

Tiêu biểu cho giai đoạn khai phá này, Phải kể đến huyền thoại Lạc Long Quân Âu Cơ (tôi quên mất tựa của nhạc phẩm này), một câu chuyện hoang đường nhưng tuyệt đẹp, cuộc phối ngẫu giữa Sùng Lãm và tiên nữ Âu Cơ đã cho ra 100 cái trứng nở thành 100 đứa bé, 50 con vượt đồi non theo mẹ lên núi phá rừng lập ấp, dựng nhà sàn, đó là tổ tiên của đồng bào thiểu số. 50 con theo cha xuôi xuống vùng biển mặn, đắp thành xây lũy, sửa soạn cho sự xuất hiện của 1 trong những nền văn minh cổ, đó là tổ tiên người Kinh. Rồi từ đây, dân tộc ta dần dà trưởng thành, như một bầy chim đủ lông cánh, cái nhóm dân này tràn về miền Nam tìm cách mở rộng biên cương đưa đến sự hình thành của một quốc gia vững mạnh ngày hôm nay. (trên V T T H Pháp ngày nào cũng có 1 bản tin không dài thì ngắn về tình hình đất nước chúng ta) Với các S V V N du học ở nước ngoài, « NGÀY TRỞ VỀ » sẽ là ngày mừng vui tái ngộ, sẽ là khúc hát đoàn viên, sẽ là dịp để bắt gặp lại những hình ảnh đồng quê VN yêu dấu đã một thời quên lãng. hình ảnh mà anh đã có dịp ghi nhận trong những nhạc phẩm như « Làng Tôi » « EM BÈ QUÊ » chẳng hạn. Nụ cười chất phác của bác nông phu, tiếng nô đùa của trẻ mục đồng, sẽ là niềm vui của anh, niềm vui của dân tộc anh một mai khi hoà bình.

Diễn tả nhạc Phạm Duy đặc sắc nhất chỉ có Thái Thanh, người nghệ sỹ mang nặng nghiệp cầm ca rực rỡ để hiện thời cô vẫn còn ngự trị trên đỉnh danh vọng; có thể nói tiếng hát Thái Thanh là tất cả linh hồn của người dân miền Bắc. Nghe cô hát ta nghe quê hương hát, là tìm hiểu cá tính của một người thiếu nữ Hà Nội, vừa dịu dàng lẳng lẳng vừa chua ngoa đánh đá, vừa hồn nhiên cười mở. Đó

chút gì để nhớ

VŨ HỮU ĐỊNH

phố núi cao phố núi đầy sương
phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
anh khách lạ đi lên đi xuống
may có em mà đời còn dễ thương

em Pleiku má đỏ môi hồng
ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông?
nên em tóc ướt và mắt ướt
nên em mềm như mây chiều trong.

phố núi xuôi phố núi trời gần
không có đường xa nên phố tình thân
đi đêm phút đã về chốn cũ
một buổi chiều lòng chợt bàng khuâng

xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lắc trên đôn biên giới
còn một chút gì để nhớ để quên.



trống non

ĐÌNH MẠC

người đi biệt dạng tháng năm
mấy mùa mưa lạnh trắng rằm đôi chân
lông mày trải mấy thu phân
chờ non hồng bẽ nghe gấu diềm sương.

một thứ trận hòa mà giăng bày cho những
vòi nào cổ tình muốn thử lửa. Nhưng một khi
ách đó đã vượt qua thì bỗng nhiên nó trở thành
lững lờ vô cùng dịu ngọt, thật là đáng sợ !
lưng phải chăng đó là cái vẻ đẹp lạ lùng huyền bí.

Cái vẻ đẹp yêu ma lồng trong một khung cảnh
in thơ ngập tràn âm hưởng của dương cầm (đó
tiếng róc rách của suối, tiếng rì rào của biển
lơi lả và trên những triền cát trắng) của sóng (đó
tiếng từ và ngập ngừng trong buổi hoàng hôn
ánh mang thời tiền sử, là tiếng tiêu tiếng phách
loát ra từ thẳm thẳm hang sâu, từ đỉnh non chót
đỉnh, của guitar (đó là tiếng vô cầu rong ruổi trên
hững nẻo đường VN), của trống (đó là tiếng đập
ia già gạo rộn ràng những ngày trăng sáng)...

Nghe đề mà thương, nghe đề mà nhớ ! nghe
ề mà phiêu du trong giấc chiêm bao chấp chờn mê
oặc... và con sông đó và hàng cau đó, và nhai
nhai láng xôn xao những ngày hội hè tề lễ còn đó
ở trăm hương, với chàng, với trống, với tuổi
oa niên hao mòn trong những tháng ngày thân ái.
Nghe đề thấy mình lao đao trong tiếng ru con thiết
hạ tề tái, đề mà thốt lên rằng :

Tôi yêu tiếng nước tôi

Tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi...

TIẾNG HÁT CA NGỢI QUÊ HƯƠNG:

Đó là tiếng nói của Quê hương ba miền ; đó là
là một cuộc chấp nối tuyệt vời của những hình ảnh
hiện thực, của một quê hương với nỗi thôn quê, với
niềm vui, với sự nhọc nhằn oằn nặng trên vai. Đó
là tiếng nói « nhìn xuống » tiếng nói của suy tư,
tiếng nói của con người nhỏ bé. Những tiếng nói
này được cất cao lên ngút ngàn trong những nhạc
phẩm như :

TIẾNG SÔNG HƯƠNG, TIẾNG SÔNG CỬU LONG, MƯA SAIGON MƯA HANOI,

Tựu trung phần lớn, đó là tiếng nói của Hoài
Bắc Phạm Đình Chương.

Phải thành thật mà nói rằng, tôi vô cùng xúc
động khi thường thức « Tiếng Sông Hương » dù
chưa có dịp đặt chân lên chốn đề đồ thâm u của
những ông hoàng bà chúa, nhưng vô vàn thơ mộng
với dòng sông Hương, với những con đò trôi lơ
lững, với tiếng hò lam khaynh đảo lòng người của
cô lái, với bóng dáng thủy mị thướt tha của những
cô nữ sinh Đồng Khánh vào những buổi chiều tan
học, nhưng tôi xao xuyến không phải vì nhận thức
được chân giá trị của nghệ thuật sáng tạo nguyên
thủy mà là vì trong cái đẹp đó còn ẩn chứa một
thứ gì đó xa lạ đáng. Quả vậy phải nghe tiếng nói
thật Huế hát lên những câu làm héo hơ lòng
người như :

« Quê hương tôi nghèo lắm ai ơi

Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn

Trời nắng, trời hành cơn lụt mỗi năm

Khiến đau thương lan tràn ngập Thuận An
để lan biến khơi ở hò.

(TIẾNG SÔNG HƯƠNG)

Dư âm còn kéo dài trong không gian lặng lẽ
tịch như tiếng than muốn thốt của người dân xứ
đất cát khô khan cần cỗi, nghe đề mà thấy một vùng
đá sỏi, một hành lang hẹp hòi giữa rừng Trường
Sơn và vùng biển mặn, nghe đề mà thấy những
màu da rám cháy, những giọt mồ hôi trên trán
trên lưng, trên vùng chai đá của bàn tay.

Ở đây tiếng hát Thái Thanh có lẽ không còn
linh thiêng nữa, mà phải nhờ đến những giọng ca
thật Huế, như một Hà Thanh chẳng hạn. Cái vóc
dáng của người thiếu nữ Huế đó, cái tiếng hát đó
vừa là một sự nhàn nhọc vô biên, vừa là một dịu
dàng thắm kín, vừa là nụ cười, vừa là ánh mắt,
vừa là con sông Hương để cho thuyền hồn du khách
ngập chìm trong đầy nước. Khi người du khách trở
về miền « Thương lưu thành phố » có lẽ chỉ còn lại
trong hắt một hình bóng cô lái đò để mà nhìn vào
đó hẳn sẽ thấy hiện lên cả một Quê Hương rồi rõ
Cho đến một hôm :

Bỏ thuyền, bỏ bến, bỏ dòng trong

Cơ lái đò kia đi lấy chỗ g

Vết bóng cô em từ dạo ấy

Đề buồn cho những khách sang sông

(Nguyễn Bình)

Buồn đấy nhưng cũng cố nâng ly chúc mừng
quanh phúc cho nàng, cho những con đò còn xuôi

đêm ở giòng Plei-Pa

QUÁCH NHAN

nghe hồn đã vỡ quanh dòng nước
chồn nôi xa cháy đỏ phàn người
ta ôm mặt hư hao điều thầm lặng
có nghĩa gì phiêu lãng gót chân xơ

có ai về bên phía dòng sông
hay ta bước qua hồ vô định
một mình trong nỗi quạnh hiu xanh
man mau sâu vạ cổ

đất đá nung vàng nghĩa đời sống đó
đêm qua đêm ngày tháng lạ xoay tròn
em có đến có đi ta chẳng ngờ
bối chửi gì vô hạn cuối hồn ta

giữa khuya khoắt nhếch tay mờ sương khói
mắt em xanh bay lạc cõi thị thành
lỡ có xuống hai hàng cây phố quận
nói giùm ta vừa chết ở giòng sông,



ngày mưa ở trại

TRẦN THANH LIÊM

mưa thưa tận cuối phố này
mưa luôn về trại mưa dày đặc thêm
trong tay mười ngón sẵn nghiêng
thấu lòng hoa cỏ lạnh niềm man sơ
mong mưa cho đến bao giờ
đôi hoang vu cả đôi bờ nhân gian.

ngược trên dòng sông định mệnh. Tuy nhiên, khi
« LY RƯỢU MỪNG » chưa cạn thì « ANH ĐI
CHIẾN DỊCH » đã là một báo hiệu cho những ngày
đầu chính chiến, cho những đò võ của sau này.

—TIẾNG HÁT CỦA CHIẾN TRANH ĐỒ VỖ—

Người chiến sỹ đã già biệt người yên lên
đường ; cũng từ đây, súng đạn bắt đầu gầm thét ;
lửa rực sáng cả một phương trời, lửa trên rừng
núi lửa dưới đồng bằng, lửa ngoài ruộng vườn,
lửa trong thôn xóm. Những tiếng rít ghê rợn của
đạn, của bom, của phi tiễn. Những tiếng
đại bác nhịp nháng trong đêm vọng về thành phố.
Những căn nhà bị thiếu vụng, những bức tường
loang lổ vết đạn, những công thư bị san bằng bình
địa, những tháp chuông, những giáo đường. Từng
lớp người gục ngã trên trời dưới đất. Đó là tiếng
hát của chiến tranh đồ nát.

Nhạc sỹ Nguyễn Hữu Ba đã mở đầu giai
đoạn này với « THU KHÓI LỬA » tiếp nối đến
những « CHUYỆN MỘT CHIẾC CẦU ĐÁ GỖ »
(Trầm Tử Thiêng), « VẾT ĐẠN THÙ TRÊN
TƯỜNG VỎI TPẮNG » (Trần Thiện Thanh)...
Nói đến nét đẹp là Huế, nói đến sự nghèo đói là
miền Trung, nói đến sự đồ vồ cũng lại là Huế. Huế
có thể nói là anh em song sinh với Hà Nội. Miền Bắc
và miền Trung giống nhau như hai giọt nước. Nếu
miền trung có Huế thì miền Bắc có Hà Nội, nếu Huế
có cầu Trường Tiền thì Hà Nội có Long Biên. Nếu
miền Trung có lụt lội hạn hán thì miền Bắc cũng
không tránh khỏi những thiên tai đó. Theo sinh
vật học thì hiện tượng đó được gọi như một
« jumeau homzygote ». Trong cuộc chiến tranh này
Huế đã bị tàn phá: cầu Trường Tiền đã gãy, giòng
Hương giang đã loang máu và những năm mỗ tập
thể mọc lên đây đó, có lẽ giờ đây đó, có lẽ giờ đây
đã tạm thời xanh cỏ. Còn Hà Nội thì sao ? Những
tấn bom đã được thả xuống trên đế thành phố, và một ngày
kia cầu Long Biên đã gãy cũng như đứa em sinh đôi
Trường Tiền sau này. Người ta chỉ biết có vậy thôi.
Còn thì mà tít ! Có những chứng nhân cho sự đồ vồ
của Huế, nhưng ai sẽ là chứng nhân cho Hà Nội, ?
Người ta đã khóc cho Huế, ngậm ngùi cho người
dân thị xã, nhưng ai sẽ khóc, sẽ ngậm ngùi cho
Hà Nội, cho người dân Hà Nội ? Hà Nội đã bị quên
lãng. Hà Nội để đi vào huyền thoại mất rồi.

Và những người ra đi chiến đấu, nay cũng có
kẻ đã gục ngã, ngày nào người ta đã ca tụng thật
nhiều viên Đại tá không quân Phạm Phú Quốc khi
cánh Phượng hoàng trúng đạn trên vòm trời Bắc
Việt ! Ngày nào còn ngân vang tiếng hát của nhạc
phẩm « HUỖN SỬ CA MỘT NGƯỜI MANG
TÊN QUỐC » như một lời mặc niệm cho vị sỹ quan
trẻ tuổi này. Rồi trong những ngày hùng dũng của
chiến trận Hạ Lào, người ta lại có dịp ca tụng những
cái chết oai hùng như trường hợp Đại úy dù Ng. Văn
Đương qua nhạc bản « ANH KHÔNG CHẾT ĐAU

ANH ». Bao nhiêu người chiến binh đã hy sinh cho
đất nước này nhưng đại chúng chỉ biết đến những
người đeo lon to như một Đại tá Phạm Phú Quốc
một chuẩn tướng Lưu Kim Cương, một thiếu tướng
Nguyễn Viết Thanh, một Đại tướng Đỗ Cao Tri...
Số còn lại âm thầm chào đời và âm thầm ra đi
không một lời thăm hỏi.

Tiếng sáo trời lên nào nuốt nghẹn ngào, tiếng
trống buồn đưa tiễn và tiếng vĩ cầm heo hút như
từng cơn gió thổi về trên bãi chiến trên cánh đồng
xương máu.

TIẾNG HÁT CỦA CHIẾN TRANH MỘT MỎI :

Đó là tiếng nói của thói gian, của sức mòn lực
kiệt ; tiếng nói của mỗi mòn chờ đợi trong nỗi lo
âu diên loạn, đó là lời kết tội chiến tranh phi lý,
tham vọng xâm lăng, đó cũng là tiếng rên than
không ngớt của bao nhiêu triệu sinh linh khốn khổ
trên mảnh đất hoang tàn rách nát này. Đó là tiếng
nói của hồn mê, của cuồng trí, của thần kinh băng
hoại, tiếng nói của Trịnh Công Sơn vậy !

Người nhạc sỹ trẻ mới nổi danh mấy năm gần
đây vì style của anh thật lạ. Những nhạc phẩm của
anh quả là những bài thơ giá trị độc đáo nói lên
phần nào nỗi ám ức của thế hệ những người trẻ
tuổi sau hơn 20 năm chiến đấu. Những hình ảnh
của họ Trịnh thật phù phàng đau xót. Phải nhìn
vào sự thật trong mọi hoàn cảnh, phải nói lên
tiếng nói của sự thật, dù nó đã bị kết tội là phản
chiến, Sự thật không xấu xa bề rạc như người ta
hàng tưởng (chỉ có sự bưng bít của sự thật mới
đáng gọi xấu xa tệ hại). Cái thực : tề đáng quý đó
đã được Trịnh Công Sơn phơi trần trong những
câu :

Khi đất nước tôi thanh bình tôi sẽ đi thăm
Mặt phố đầy mình một con đường đầy hồ
Khi đất nước tôi không còn chiến tranh
Bạn bè mấy đứa vừa xanh năm mỗ.
Khi đất nước tôi không còn chiến tranh
Mẹ già lên núi tìm xương con mình.

(TÔI SẼ ĐI THĂM)

Có được nghe thấy:

100 năm đò hộ giặc tây
1000 năm đò hộ giặc tàu
20 năm nội chiến từng ngày...

(GIA TÀI CỦA MẸ)

(Xem tiếp trang 13)

Tác giả loạt hồi ký này, Anh Phương Bắc, 1954 — Học Đệ Thất Nguyễn Trãi 1961 — Học Đại học Báo chí Hà nội 1964 — Tốt nghiệp rồi về công tác tại Tuần báo « Văn Nghệ » Hà nội, Cuối năm 1968 về Nam với tư cách là phóng viên chiến trường Quân khu 5 VC (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa) 1970 — về Saigon.

Hiện là Biên tập viên chương trình « Tiếng gọi tình thương Dân tộc » của B.C. Hồ

Sau lời giới thiệu của Thiếu tá Nguyễn Khải, chúng tôi vỗ tay hoan hô nhiệt liệt một hồi lâu.

Đoạn Chủ tịch Đặng Thái Mai đứng lên giới thiệu đồng chí Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Tố Hữu lên nói chuyện...

Bữa tiệc mới diễn ra được 40 phút, Thủ Trưởng Bộ Văn Hóa Cù-Huy-Cận đứng lên xin cáo từ được ra về sớm với lý do Ông và Nhà thơ Tố Hữu có việc bận.

Cuốn liên hoan gần tàn, gần chục anh em chúng tôi những người ra đi. Trong đó có ký giả Hoàng-Hải và nhà quay phim Thời sự Thanh-Nhân lao đảo đến từng bàn để bắt tay từ biệt tất cả những đại biểu và những người tới dự tiệc.

Khi lần song thủ tục ở đầu bàn giữa đối với các đại biểu của các cơ quan ở Trung Ương và Hà Nội, Anh em chúng tôi tiến về bàn giành cho đồng nghiệp. Ngoài xếp Lưu quý Kỳ ra, tôi còn thấy Ký giả Hiền Nhân-

Nguyễn chủ báo Thời Mới (Tức tờ Tia Sáng cũ) Nay tờ « Thời mới » bị gộp vào với tờ « Thủ đô Hà Nội » (tờ báo của Thành ủy Đảng CS Hà Nội) Rồi lấy tên là « Hà Nội mới » Hiện Ông Nhân làm việc cho tờ nhật báo địa-phương này, — Ký giả Quang-Thái chuyên viết bình-luận cho báo « Nhân dân ». Ký giả Tiểu Liên Kẹo đồng của báo « Quân-đội Nhân dân ». Ký-giả Trần-Sơn của báo « Lao động » (cơ quan Tổng-Liên-Đoàn Lao động B V) Nhà Văn Kiêm Báo Vũ thị Thường Ký giả của Tuần Báo « Phụ nữ VN », Ký giả Minh Phương của báo « Tiền Phong » (cơ quan Đoàn Thanh niên lao động B V). Nhà báo Kiêm thơ trào phúng Xích Điều của báo « nhà » Văn nghệ. Trung tá Thanh Tịnh chủ nhiệm nguyệt san « Văn nghệ Quân đội » (của giới Văn nghệ Sĩ quân đội B V). Nhạc sĩ Phong Nhà Thư ký toà soạn tuần báo « Thiếu niên tiền phong » (tức của Đội thiếu niên Tiền phong Việt Nam) ở Bắc Việt, muốn trở thành Đới viên Đội Thiếu niên Tiền Phong Việt Nam cũng phải « phấn đấu » Rất gian khổ khi đủ tiêu chuẩn sẽ làm lý lịch và đơn xin gia nhập Đội rồi nộp lên anh, chị phụ trách xét (những người này phần đông là Đoàn viên hoặc Đảng viên CS) Khi hết nấp sẽ được đeo khăn đỏ. Các tổ chức như Hướng Đạo, Sứ... của pháp đề lại đều bị Chính quyền giải tán,

Ngoài ra, tôi còn thấy một số đại diện của các báo như « cứu quốc » (của Mặt trận Tổ quốc VN) « Thống nhất » (của ủy Ban Thống nhất Trung ương) « Tạp chí Học Tập » (cơ quan nghiên cứu và lý luận Mác Xít của Đảng C S B V).

Đến bàn giành cho các tay viết tiểu thuyết, thơ, tôi thấy có Hoài

Thanh Hội Trưởng Hội Nhà Văn VN. Đại tá Nguyễn đình Thi Tổng thư ký Hội Nhà Văn. Nguyễn Hồng Hội Trưởng Chi Hội Văn Nghệ Hải Phòng Nguyễn Tuấn Ủy viên Ban chấp hành Hội Nhà Văn VN. Nhà thơ trữ tình Xuân Diệu và các thi sĩ: Chế Lan Viên, Trần Hữu Thung, Lưu Trọng Lư, Lưu trùng Dương, Tế Hanh. Các nhà văn: Nguyễn văn Bổng, Võ Huy Tâm, Hải Hồ, Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc Tấn, Bùi Minh Quốc, Hồ Phương, Xuân Sách, Tạ Dồn. Nhà thơ Tú Xương Thủ quỹ Hội Nhà Văn VN

Tôi bỗng giật mình khi bàn tay khô héo của Nhà Văn Nguyễn công Hoan nắm chặt tay tôi (Văn sĩ lão thành Nguyễn Công Hoan đã được Đảng cho về vườn sau tiểu thuyết « Đông rúc cũ ». Ông bị coi là « phản lại cách mạng » và « Bồi rúc cũ lên đê mà người » Do vậy, sự có mặt của ông làm cho anh em chúng tôi ai cũng sửng sốt).

Chira hết, tác giả « Đất » là nhà Văn Ngọc giao hôm nay cũng hiện diện tại phòng tiệc (Ông Giao đã bị chính quyền CS phế thải và cho đi làm nhân viên ở Sở Kiến Trúc Hà Nội) Trừ Phan Khôi (chết năm 1956) Còn hầu hết các bậc « anh chị » trong làng này hoặc đã bị phế thải, kỷ luật. Hoặc đang ngày đêm gột rửa « tư tưởng tư sản » bị tiêu xức Lão cai, Hà giang, Sơn la, Yên Bái... gồm: Trần dân, Thương Từu, Hoàng Cầm, Thụy An, Lê Đạt, Phùng Quán, Trung tá Hà Minh Tuấn (Riêng Trung tá Tuấn bị « teo » vì tiểu thuyết « Vào Đồi » của ông xuất bản năm 1966 được coi là « Bồi nhọ chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa » miền Bắc.

Đoạn chúng tôi vòng qua bàn của làng sân khấu. Tại đây, tôi gặp: Xếp Thế Lữ — Hội Trưởng Hội Nghệ Sĩ Sân Khẩu BV (ông Lữ nay ít làm thơ và xoay sang đạo diễn hoặc viết kịch) Nhà biên kịch Long Trương, Nghệ sĩ cải lương Ái Liên, Tấn Đạt, Công Thành, Kim Xuân, Kim Thanh, Tiểu Lang...

Các diễn viên Điện Ảnh BV: Thúy Nga, Ngọc Lan, Tố Uyên, Kim Thúy...

Các ca sĩ: Thương Huyền, Trần

Khánh, Trần Thụy, Mai Khanh, Minh Đỗ, Thanh Hiếu, Quang Hưng, Quý Dương, Bích Liên, Thành Huyền, Tuyết Thanh, Tuyết Nhung, Anh Tuấn, Diệu Thúy, Thúy Mai, Kim Oanh, Ngọc Dậu, Trần Chất, Châu Loan, Hồng Lê, Như Hoa, Kim Đức, Nguyễn thị Hồng, Trần Hiếu, Tân Nhân, Trương Vi, Lê Hằng.

Các tay tổ Ngâm thơ của Đài Hà nội: Trần thị Tuyết, Linh Nhâm, Trang Linh, Nguyễn Thành, Đình Quang... Nhạc công dân Bàu Mạnh Thắng (Huy chương vàng về dân Bâu tại Mạc tư Khoa) « Mẹ nuôi » Piano BV Thái Thị Liên. Hoàng Mạnh. Các cây VIOLON Phan Phúc, Tạ Bôn...

Tiếp đó, anh em chúng tôi quay ra bàn có nhiều nhân vật « tạp lục ».

Tại đây, tôi thấy có: Hoa sĩ Mạnh Q ynn, Thi Thi Tổng Ngạc, Nguyễn văn Tỵ. Nhà thơ Bảo Định Giang: Nuiếp ảnh gia Đình đáng Đình; Giám đốc Đài phát thanh Hà Nội Hoàng Hữu Nhân (bây giờ ông Nhân chuyển qua làm Bí thư Thành ủy Đảng CSVN ở Hải phòng.) Kiến trúc Sư Đào xuân TẠO, Trần quốc AN. Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội Nguyễn Minh Vỹ (ông Vỹ nay đã có mặt ở PARIS trong phái Đoàn BV.) và ông Nguyễn Văn Phú — Đoàn trưởng Đoàn ca nhạc Đài phát thanh Hà Nội (Hiện Ông Phú là đại chồng cuối cùng của ca sĩ Thương Huyền).

Tiếp đó, chúng tôi kéo nhau đến

theo học tại Nhạc viện Bắc Kinh. Vậy xin cấp trên cho tôi được « hưởng » bên vợ con 2 năm đã rồi tôi đi. Mà người ta thường « thí tử » chứ có ai « thí xe ».

Sau vụ này, Nhạc sĩ Hoàng Văn bị kiểm thảo 3 tháng liền vì tôi, Có dấu ốc hưởng thụ giống giai cấp Tư sản, bóc lột. Hơn nữa lại có tư tưởng chủ bại, sợ chết...

Sau đó, Mỹ ném bom vùng Khư 4 BV vô cùng ác liệt từ cuối năm 64 đầu 65. Đảng liền tổng động « thực tế » tại miền « đất lửa » này (BV gọi các vùng bị ném bom là vùng « đất lửa »).

Khi ở vùng « đất lửa » trở về, Hoàng Văn đã « rửa tội » được bằng 3 ca khúc:

- 1) Quảng Bình quê ta ơi.
- 2) Bài ca Vinh Lính
- 3) Không cho chúng nó thoát

Nhờ 3 ca khúc này cùng một số ca khúc khác, giới hâm mộ tân nhạc miền Bắc hiện nay coi Hoàng Văn như một ngôi sao sáng nhất của lòng sáng tác tân nhạc.

Tiếp đó, Đảng cử Lưu Hữu Phước vào Nam thay Hoàng Văn (Ông Phước là tác giả bài « Giải phóng miền Nam » nhưng lấy tên khác là Huỳnh Minh Siêng). Hiện Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước là Bộ trưởng Bộ Thông Tin và Truyền Truyền trong chính phủ gọi là « Cách mạng làm thời Cộng Hòa miền Nam VN ».

Ở bàn giành cho Hội nhạc sĩ

BỮA TIỆC LIÊN HOAN CUỐI CÙNG VỚI CÁC VĂN NGHỆ SĨ MIỀN BẮC

★ Hồi ký của PHƯƠNG BẮC

bắt tay các ông vua sáng tác ca khúc của BV.

Bàn này cũng không kém phần vui vẻ là máy sọ với bàn của Hội Nghệ sĩ sân khấu.

Nơi đây, chúng tôi gặp cụ già đầu tóc bạc phơ Nguyễn Xuân khoáng Hội Trưởng Hội Nhạc sĩ BV. Thượng tá Đỗ Nhuận Tổng thư ký Hội Nhạc sĩ BV. Thiếu tá Đình Ngọc Liên Đoàn Trưởng Đoàn Quân nhạc (của Quân đội BV) Hai Nhạc Trưởng chỉ huy dàn nhạc cổ điển của Hà Nội là Vũ Lương và Trần Quý (2 ông này đã theo học ở Mạc Tư Khoa 7 năm tại Nhạc viện TRAIKOSKY) Thiếu tá Nguyễn Đức Toàn; Nhạc sĩ Phạm Tuyên, Đức Nhẫn, Nguyễn Văn Thương, Phan Huỳnh Điểu. Thiếu tá Huy Du; Nhạc sĩ Lưu Bách Thụy, Thái cơ, Đoàn Chuẩn, Hoàng Giác (Ông Chuẩn và Giác nay không sáng tác mà chỉ dạy lý thuyết tại trường âm nhạc Dân lập Hà Nội.) Đại úy Trần Hữu phát. Nhạc sĩ Hoàng Hiệp, Đặng Giao, Bùi Đức Hạnh, Nguyễn Liệu. Thiếu úy Trần Chương. Nhạc sĩ Hoàng Văn (ông Văn năm 1963, Đảng, Bác cử đi Nam. Nhưng nhất định từ chối. Ông lý luận lại rằng: « Tôi đã 9 năm kháng chiến chống pháp, 7 năm

Thiếu văn Cao và Nguyễn văn Tý (Sau vụ « Nhân Văn Giai Phẩm » 1956, hai ông đã được Đảng « Chiếu cố » cho đi cải tạo ở Sơn la. Bảy năm sau, tức năm 1964, Văn Cao trở về nhưng bị buộc không được sáng tác. Do vậy, ông chuyển ngành sang trang trí cho sân khấu thoại kịch, dựng bia cho các tác phẩm Văn học và làm tranh khắc gỗ ở tuần báo « Văn Nghệ ».

Còn Nguyễn Văn Tý, khi ở trại cải tạo trở về, được Đảng « ưu tiên » cho đi. Tý Văn Hóa Tỉnh Hưng Yên.)

Người cuối cùng ở khu này bắt tay tôi là nhạc sĩ Tu Mi... Từ năm 1954 cho đến lúc tôi vào Nam, Tu Mi không sáng tác ca khúc nào Hiện ông dạy nhạc tại trường Trung học NVB SARO cũ.

Khu cuối, cùng của phòng tiệc mà chúng tôi đi tới để bắt tay cũng lại là một bàn tạp lục. Ở đây, tôi thấy có Nhạc sĩ Huy Thực, Nhà Văn Huỳnh Kiều, Nhà đạo diễn Phim Huy Văn. Nguyễn Văn Đắc, Đắc, nhà nghiên cứu Văn Học Vũ Đức Phúc, hai nhà Sư gia Trần Huy Liệu, Trần Văn Giàu, hai Giáo sư Bác sỹ Hồ Đắc Di và Nguyễn Z1. Trọng Nhà văn Vũ Tu Nam, xếp Diệt

Mình Châu — Hội Trưởng Hội Họa Sĩ BV. Người cuối cùng ở bàn tập lức này mà tôi gặp là nhà sáng tác Dân ca và chèo Lưu Quang Thuận, hiện công tác tại Đoàn Chèo Trung ương Nghe-Làng-Chèo miền Bắc, bàn tán là ông Thuận có 2 người em tại Nam VN. Hình như hai ông em và ông Lưu Quang Thuận có tranh luận rồi chửi bới nhau gì đó ở trên làn sóng điện của Đài Hà Nội và Sài Gòn.

Bên cạnh ông xếp của Dân ca và chèo miền Bắc này là Lưu Quang Vũ con trai Lưu Quang Thuận. Lưu Quang Vũ nay được coi là một trong những Thi sĩ trẻ và sáng chói của BV.

CHƯNG tôi vòng về chỗ cũ được 45 thì bắt đầu chuyển qua cuộc vui Văn Nghệ. Khi Thiếu tá Nguyễn Khải đang đứng trước máy phóng thanh bằng cả Phòng tiệc nhao nhao vỗ tay. Tôi thấy hiện ra ở cửa phòng Ca sĩ Quốc Hương, Nhạc sĩ Lưu Cầu Trần Kiệt, Trương Tô Vũ, Tạ Tấn, phạm Ngũ AN chung, Hồ Bắc, Nguyễn tài Tuệ, Thiếu tá Nguyễn Nhung (ông Tấn được coi « bố đỡ đầu » của ghi ta BV.)

Thiếu tá Nguyễn Khải nhanh nhẹn tuyên bố :

— Nghệ sĩ Quốc Hương sẽ « Đại diện » cho những người đến sau chịu « kỷ luật » bằng bản « Bài Ca Người thợ rừng » của Phạm Tuyên (Bài « tử » của Quốc Hương).

Nguyễn Khải dứt câu, tiếng đập bàn vỗ tay âm ầm. Trước khi hát, ông ta còn thanh minh :

— Báo cáo các đồng chí ! Xe đạp của tôi bị nổ lốp ; Hôn nữa, trời lại mưa nên mới tới muộn (có nhiều tiếng cười nói xì xào.) Ở BV, Cục Trưởng trở lên mới có xe gắn máy.

Ai bảo rừng xanh là quái ác.
Ai bảo Trường Sơn là nắng gắt,
Gió núi, mưa ngàn xiết vấy quanh mình

biết bao kinh hoàng...

Ca sĩ Quốc Hương dứt câu, cả phòng tiệc vang lên tiếng vỗ tay khen ngợi. Đoạn tiếng Nguyễn Khải lại đều đều :

— Xin giới thiệu Nghệ sĩ Trần thị Tuyết ngâm bài « Quê hương » của Giang Nam. Đây là bài thơ được giải thưởng Văn học nghệ thuật Nguyễn đình Chiểu 1960-1965 của Mặt Trận giải phóng miền Nam (Nhân dịp Kỷ niệm 5 năm ngày thành lập, M T G P có tổ chức cuộc thi Văn học, Nghệ thuật này.)

Trong dáng đi của đồng chí Tuyết, đã toát ra vẻ tự hào, kiêu hãnh. Chỉ ta nở một nụ cười duyên dáng trước khi cất tiếng :

— Thuở còn thơ, ngày hai buổi đến trường yêu quê hương, qua từng trang sách nhỏ, Ai bảo chốn trâu là khổ ?

Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao... Những buổi trốn học, đuổi bướm cạnh cầu ao, Mẹ bắt được, chưa đánh roi nào đã khóc... Có cô bé nhà bên, nhìn tôi cười khúc khích...

Hôm nay, nhận tin em.
Không tin được, dù đó là sự thật.
Giặc bắn em rồi quăng mất xác :
Chỉ vì em là du kích em ơi !



III) Rừng châu ngoài Huế Ngựa tể Đồng Nai

ĐI là chết ở trong lòng một ít mà đi Nam lại còn chết nhiều hơn, vì thuở đó người ta đâu có nói là đi Nam. Nam của cái gì ? Đất đó chưa phải là đất của ta thì nó không là Nam của cái gì hết. Có lẽ người ta nói đi vào xứ Man Mọi.

Như vậy thì không phải là dân bản ra đi đâu mà toàn là dân kiết xác, vởi lại còn đồ, tù tội mà người ta muốn đẩy ra khỏi các làng ở miền Trung. Chắc chắn là đã có cuộc cưỡng bách di cư vì dân ta có đói lên, đói xuống, cũng cứ thương mến chơn trời quen thuộc, bụi tre, mái đình, mồ ông mã cha mà họ không nở rời.

Thuở ấy đâu có Cộng sản mà nói rằng họ sợ Cộng nên ra đi, còn tưởng rằng họ vui lòng đi là lắm. Họ hoàn toàn không biết đất mới tốt hay xấu, nước có độc hay không, thì họ không có ham cái gì hết, mà chỉ sợ thôi. Họ sợ vì đất ấy không thuộc quyền của vua họ mà thuộc quyền của vua Man Mọi nào đó mà họ không thấy mặt dân đó bao giờ cả. Có lẽ họ còn sợ hơn là nếu họ bị bắt đi lính để đánh thù man mọi ấy, hởi đi lính, ít ra họ cũng có được một cây giáo để tự vệ, đằng này họ chỉ lãnh được có cái riu và cái cuốc, rui ro man mọi ấy làm dữ thì chết toi mạng.

Sử liệu cho rằng dân ra đi là dân Bắc Bộ Chính.

Bố Chính là nơi mà ngày nay là Bình Trị mà ta chỉ chiếm được một cách vĩnh viễn sau Lê Lợi, tức sau năm 1427, còn trước đó thì khi mất, khi còn. Đó là nơi mà dân miền Bắc di cư xuống càng năm càng đông, nên cần giải tỏa vùng đó trước hơn các tỉnh ở dưới mà dân còn thưa.

Nhưng đó chỉ là cuộc di cư có tổ chức vào buổi đầu, chớ về sau, khi miền Nam thuộc về ta rồi, và khi thiên hạ nghe đồn đất Nam màu mỡ rồi thì thả cửa, dân vùng nào muốn đi, cứ tự túc mà đi, không có bắt ép ai nữa hết.

Vì vậy mà những chuyến đi đầu tiên là những chuyến đi dầm lẹ, ra đi không hẹn ngày về bởi vì trong ấy có man mọi, có cọp có sấu, lại có nhiều ma quỷ nó sẽ vật chết khách lạ đi.

Bọn bị bắt vứt xuống thuyền hẳn là phải thương yêu nhau lắm, trong các số phận

chung đó, mà đến lúc định cư rồi, thấy người mới đổ bộ, họ cũng vẫn thương :

Rừng châu ngoài Huế,
Ngựa tể Đồng Nai.
Nước sông trong sao cứ chảy hời
Thương người xa xứ lạc loài đến đây.

Tất cả đều là những kẻ lạc loài, mất hết cội rễ. Trẻ con sanh ra, không thấy mồ mã tổ tiên quanh làng, không thấy ông già bà cả, mà chỉ biết có cha với mẹ. Xa lắm mới có một xóm nhà, nên việc xe dịch phải dùng ngựa mà ngựa phải tể, chớ không phải là ngựa chạy chậm được. Trong khi đó thì ngoài Huế rừng châu, phụng múa, còn họ thì phải vật lộn với thiên nhiên để giành sự sống.

Sử ta không hề nói đến những năm xương tăn giữa rừng hoang, lau sậy, nhưng chắc là người chết phải nhiều lắm vì bất phục thủy thổ. Bắc Bộ Chính thuộc vĩ tuyến 16, vùng trong này thuộc vĩ tuyến 11, lại là đất chưa khẩn hoang, miền bịnh ngã nước trong khi hậu lên tới độ bão hòa.

Biết tình trạng này, chắc không còn ai ngạc nhiên tự hỏi sao miền Nam ta đã sanh ra lắm ông đạo. Con bịnh không có tiền uống thuốc, nếu có cũng không tìm đâu ra ông lang, mà có ông lang, ông lang cũng không trị được bịnh ngã nước, thành thử dân di cư chỉ còn biết cúng vái thánh thần, nhờ các thần phù thủy nhảy dù, nhờ các ông đạo trừ tà giúp họ, bởi bịnh gì họ cũng tưởng do tà ma gây ra cả.

Ta thử hình dung ra cảnh nước mất đầm đìa của bọn cùng đinh, bọn tội đồ, và cả cán bộ nữa khi họ bị cưỡng bách di cư.

Ai tưởng họ phẫn khởi Nam tiến là lầm to. Và tình trạng lem nhem chắc cũng xảy ra ngày một. Kẻ nào muốn ở lại, phải dứt lòi cho cường hào ác bá, có thể con gái cũng đến phải dứt lốt cái gì quí báu nhưt của họ nữa.

Thiên anh hùng ca Nam tiến, thật ra chỉ là một thiên bi ca thống thiết mà kẻ bị đi thấy là mình bị đẩy ải hơn là di cư.

BÌNH NGUYÊN LỘC

Có những cuộc di cư đầy háo hức, trái lại cũng có những cuộc di cư thống thiết bi ai. Khi mà còn người tự ý di cư thì họ hẳn say lắm, còn khi họ đang sống yên lành, tuy sống nghèo rớt mồng tơi mà họ bị đẩy vào một nơi rừng rú man mọi, chứa đầy những ần số, họ có cảm giác như là bị đưa lên đoạn đầu đài.

Chánh quyền của chúa Nguyễn chắc đã phải thẳng tay cứng rắn, đàn áp quyết liệt, họ mới chịu xuống thuyền.

Có những cuộc tình duyên dang dở đau thương, nên chỉ ca dao nôm chường mới ra đời *Chàng nào cạm lạch Đồng Nai*

Nát chuông Thiên mục mới thay lời nguyện.

Câu ra đi, sẽ nhớ có mãi, cho đến khi nào sông Đồng Nai cạn, câu mới xóa phai ước cũ nguyên xưa, còn cố ở lại, đợi chuông Thiên Mục cái cái chuông rất bền vững tạo nát, có mới quên câu được.

Thương bấy ơi ! Có ai nghĩ đến cảnh biệt ly ấy hay không ?

Và dân di cư chắc đã oán hận lắm. Trong khi rừng châu ngoài Huế, rực rỡ huy hoàng, họ lại phải rời ông mã cha để đi đến nơi tử địa.

Xem tiếp trang 14

MỖI TUẦN MỘT BÀI THƠ HAY



cảm thu, tiễn thu

từ vào thu đến nay
gió thu hiu hắt
sương thu lạnh
trăng thu bạch
khói thu xây thành
lá thu rơi rụng đầu cành
song thu đưa lá bao ngàn biệť ly
nhận về én lại bay đi
đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm
lá sen tàn tạ trong đầm,
nặng mang giọt lệ âm thầm khóc hoa,
sắc đầu nhuộm ố quan hà,
cỏ vàng cây đỏ bóng tà tà đương,
nào ai cố lý tha hương,
cảm thu ai có tư lương chẳng ai ?
nào những ai,
bầy thước thân nam tử,
bốn bề tri tang hồng,
đường mây chưa hồng cánh hồng,
tiêu ma tuệ nguyệt, ngại ngùng tu mi.
nào những ai,
sinh trưởng nơi khuê các,
thuya sớm phận nữ nhi
song the ngày tháng thời đưa
vương tơ ngắm nhện lơ lửng thương hoa
vào những ai
tha phương khách thổ,
hải giác thiên nha,
ruột tim héo, tóc sương pha,
gốc phần trạnh tượng quê nhà đòi con.
nào những ai
tóc xanh mây cuốn
má đỏ hoa ghen
pồng chơi duyên đã hết duyên
khúc sông trăng dải con thuyền chơi vơi
nào những ai dọc ngang trời rộng
vẫy vùng, bề khơi
đội trời, đạp đất ở đời.
sa cơ thất thế quê người chiếc thân
nào những ai
kẽ vàng tình mộng
tóc bạc thương thân
vào trông lá rụng đầy sân,
công danh phú quý có ngần ấy tuổi
thời nghĩ cho
bu tự trời
ấm tự người
người đời ai cảm ta không biết
ai cảm thay ai viết mấy lời ?
hồi thời
ùng thu tạm biệt
u hãy tạm lư,
vì đề khách đa tình, đa cảm
ột mình thay cảm, những ai ai...

TẤN ĐÁ (tháng 9 Canh thân 1920)

VÔ PHIÊN



lễ bái hiện đại hóa

MỘT người địa phương kể chuyện : Năm nọ, vào ngày vía Bà, ông ta bị kẹt xe tại chân núi Sam vào khoảng mười giờ sáng, đến năm giờ chiều mới về tới nhà, ở tỉnh lỵ.

Đành rằng bấy giờ quảng đường ấy hẹp và xấu, tuy nhiên núi Sam chỉ cách tỉnh lỵ Châu đốc có năm cây số : kẹt đến như thế là quá cỡ. Đã biết ngày vía Bà người ta đổ về núi Sam đông đến chừng nào.

Tiểu rằng một nơi thu hút nhiều du khách đến thế lại không có thứ kỷ vật gì để du khách mua về. Khách từ xa đến, tò mò, có thể đứng tại chỗ chờ nước thoát nổi chứa trong ống t.r. Nhưng mua để mang về làm kỷ niệm, họa chăng chỉ có đồng xu cạo gió kẹp vào áo gỗ tiện. (Thực ra, đồng xu cạo gió ấy cũng đã tiến về các lễ đường Saigon từ lâu). Còn lại, bao nhiêu những thứ bày bán ở trước các miếu, các chùa tại đây, hầu hết hoặc là sản phẩm của Campuchia, hoặc là của Trung cộng qua từ ngã Campuchia, hoặc là sản phẩm của... Saigon — Chợ lớn !

Giá có được những sản chuỗi hạt, những tượng Phật gỗ, những món đồ đan nhỏ nhỏ v.v... sản xuất tại địa phương. Ở đây không có ngành thủ công nghệ nào đặc sắc chăng ?

Tại Đà Lạt chẳng hạn, nơi mà du lịch được khai thác theo quan niệm Tây phương, người ta không quên trù liệu kỷ vật cho khách : phụng lan, nhà sàn, nhạc khí người hương khùng hình ghép bằng mảnh vỏ thông rải thông ghép hình con gà, con phụng v.v...

Nhưng du lịch theo quan niệm Tây phương lại chỉ dành cho tầng lớp trưởng giả, không phải là lối du lịch của quần chúng. Giả sử ở thác Prenn có được một cái đền, một cái miếu để đến xin xăm cầu tài ! Khách thập phương sẽ đổ về đông hơn biết bao.

Do đó, hình như có một khía cạnh tâm lý trong sinh hoạt tín ngưỡng ở ta, ở một số dân Á Châu, mà ngành khai thác du lịch tưởng nên chú ý đến. Không có ngôi chùa danh tiếng Phật quốc tự, có lẽ người Đại Hàn khó lòng với thỉnh được ai lên tận đỉnh núi Thổ hàm sơn ở Khánh Châu (Kyongju). Giữa Nhật nguyệt đàm bên Đại loan có ngôi chùa Huyền quang...

Nếu những chùa Huyền quang, chùa Phật quốc nọ chưa lời cuốn được số khách thập phương đứng mừ, thì còn nên xét đến một điểm này : thiếu xin xăm cầu tài chăng ?

Sáng ngày 25 tháng tư âm lịch năm nay, vào khoảng mười giờ, số thu tại miếu bà Chúa Xứ lên đến 10,8/0.000 Ngót mười một triệu bạc.

Cho đến mãn ba ngày vía, số thu sẽ đến bao nhiêu ? Và số thu của ngân sách toàn tỉnh trong một năm liệu có được gấp ba lần thế chăng ?

Miếu bà Chúa Xứ không phải là thành công duy nhất ở trong Nam. Lăng Ông Bà Chiền, miếu Bà Đen ở Tây ninh v.v... Hàng năm cũng có những khoản thu lớn lao. Như vậy đây không phải là những trường hợp tình cờ ngẫu nhiên ; đây là sự gặp gỡ ở một công thức khai thác thích hợp.

Chiêm bái thần thánh mà có dịp đi chơi với xin xăm cầu tài thì tuyệt (Cũng như thưởng lãm thắng cảnh mà đi chơi với chiêm bái thần thánh là điều rất tối)

Riêng tại miếu Bà Chúa Xứ còn có thêm một sáng kiến. Khách đến cúng vái có thể "vay" của bà một món tiền nhỏ hai chục đồng. Tờ bạc ấy đem về cất vào tủ, giữ lấy đến năm năm, nên làm ăn buôn bán phát tại thì năm tới khách đi lễ vía, trả Bà cả vốn lẫn lời. « Lãi » là một đôi trăm, năm ba nghìn đồng chẳng ? Tùy khách.

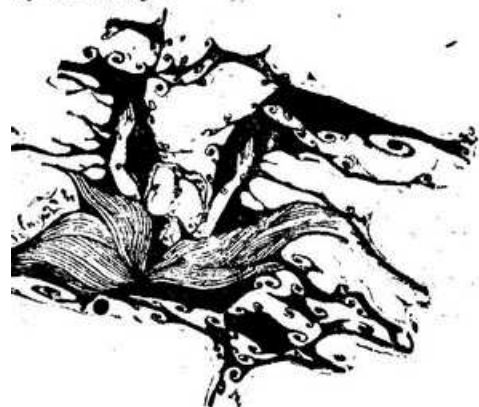
Một lối khai thác tín ngưỡng như thế không mấy ăn khách ở xã hội nông nghiệp trước kia, ở thời kỳ của những chùa Hương, chùa yên tử v.v... ngoài Bắc. Ngày ấy, đa số khách triều hội vốn là nông dân, không kinh doanh bằng đồng tiền. Còn bây giờ thì tờ giấy hai chục của Bà cất vào tủ sắt của một Hoa thương ở Chợ lớn tốt quá. Bây giờ, con số những người sống bằng áp phe, bằng buôn bán, bằng kinh doanh... mỗi ngày mỗi đông. Hình thức chiêm bái thần thánh cũng phải tùy thời biến đổi.

Mặc dù thần thánh không làm ăn, chỉ có con người mới phải vất vả làm ăn thôi, nhưng lễ lối làm ăn của con người đã ảnh hưởng rõ rệt vào lễ lối phụng thờ thần thánh. Từ chùa Hương của thời kỳ kinh tế nông nghiệp ngoài Bắc cho đến những lăng miếu có từ rất lớn, có Bà cho "vay" bạc ở một xã hội mà hoạt động thương mại phát triển như trong Nam ngày nay, ta thấy đời nào đạo ấy.

Việc lễ bái tự nó, lặng lẽ cải cách nó lặng lẽ hiện đại hóa. Không chờ ai hô hào.

NĂM TRÊN QUÂN TRỢ NGHE TIẾNG HÁT QUÊ HƯƠNG

Tiếp theo trang 9



Ta mới nhận thức được cái thời gian chịu đựng khổ đau của dân tộc mình, cái thời gian hầu như vô tận. Sức người có hạn; họ có quyền mệt mỏi chán chường, dù là người của phe bên này hay bên kia cũng vậy. Những cán bộ « nặng tuổi Đảng » cũng phải xét lại toàn bộ thái độ của mình và chính sách của Đảng (như Bác sỹ Đặng Tấn hay ông Mai Văn Sở vừa ra hồi chánh); đó cũng là chất liệu của thơ Nguyễn Trường Sơn:

Đã qua buổi ban đầu bờ ngõ
Còn nhìn ra nào giải phóng gì đâu ?
Buổi chợ đông vui đông lúa xanh màu
Sao người ta bắt con dốt xóm phá cầu ?
Phải gởi mình gieo tang tóc thương đau

.....
Đêm hôm ấy mắt con tràn lệ
Ác mộng về con trần trọc thâu canh.
(NHƯ MẸ NHƯ CON)

Đã mệt mỏi người ta lại càng mệt mỏi hơn khi nghe Khánh Ly hay Lê Thu nước nờ trong những bình khúc Trịnh Công Sơn như tiếng gào thét thiết tha của người cô phụ rã rời trong đêm vắng. Tiếng thét gào của một người bỗng là tiếng thét gào của hàng vạn người dân Huế những ngày giặc tràn vào thị xã. Nay tiếng súng đã im, những xương cốt đã tằm thời yên chỗ, những mái nhà đã tạm thời dựng lại vậy ta hãy đáp ứng lời kêu gọi của Nhà Ca để thất một « Giải khải số cho Huế » và thấp hương cầu nguyện Hòa Bình qua tiếng hát Thanh Vũ trong nhạc bản « ĐÊM NGUYỆN CẦU » của Lê Minh Bằng :

Có lắm lúc tiếng chuông đêm đêm vọng về
rừng sâu,
Rưng rưng tôi chấp tay nghe hồn khóc đến
rướm máu
Quê Hương non nước tôi ai gầy hện thù
tội tình
Nhà Việt Nam yêu dấu ơi bao giờ thanh
bình ?

Tiếng người đã bắt đầu lao xao dưới Phố, người phu quét đường ngồi ôm cán chổi bên vệ đường ngáp dài ngái ngủ, phản chợ sáng đã đến hồi nhòam 10p, tiếng chó sủa từng cơn, tiếng người kêu nhau xi xi. Tôi vói tay tắt máy. Đã hơn 5 giờ sáng ! Lại một đêm thức trắng nghe nhạc. Lại một đêm sống rộn rịp cho Quê Hương. Để rồi ngày mai lại quay về với bồn phiền. Thôi hãy ngủ đi trong chốc lát để cơn có thể kéo dài những giờ phút êm ấm vừa qua, cho ảo tưởng còn hiện về giấc mộng, giấc mơ thật lạ trong tiếng ru của Lê Thu :

Ngàn mây trắng về đây treo lững lờ
Và tiếng hát về ru mình trong giấc ngủ...

(NHỮNG DẤU CHÂN ĐỊA ĐÀNG)

Monique, 1971

THƠ PABLO NERUDA: MỘT SỰ SỐNG KHÔNG THUẦN KHIẾT

Cho đến năm nay, 1971, giải Nobel về Văn Chương đã được trao tặng đến lần thứ 67. Trên 60 nhà văn nhà thơ nổi tiếng trên thế giới—nổi tiếng từ trước khi trao tặng cũng có và nổi tiếng kể từ sau khi được trao tặng cũng có—đã được hưởng cái Vinh dự nhận lãnh giải thưởng cao quý đó được chính đích thân Hoàng đế Thụy Điển trao tặng, giải thưởng gồm có một huy chương vàng và một số tiền là 87.0 0 đồng. Với một thời gian đáng kể là lâu năm như vậy đối với một giải thưởng Văn chương, chắc chắn lịch sử giải Nobel phải trải qua nhiều cơn sóng gió, nhiều trường hợp bất thường, điển hình nhất là mới đây; trường hợp bất thường của Sartre hay của Beckett.

Nhất là, trong những năm gần đây, giải thưởng này đã bị mông muội những tai tiếng không được tốt đẹp mấy vì hình như đã để cho một vài xu hướng chính trị xâm nhập, khuynh đảo. Nói rõ ra là người ta không thể chấp nhận để cho cái giải thưởng văn chương có giá trị và cao quý bậc nhất này bị ảnh hưởng bởi chính trị dù bất cứ khuynh hướng chính trị nào. Vì lý do đó, Sartre đã từ chối nhận lãnh giải thưởng này vì cho rằng không ít thì nhiều giải Nobel đã bị giới hữu khuynh chi phối. Trong khi đó, trên thực tế, trong mấy năm gần đây, giải thưởng này lại tỏ ra rất ưu đãi giới nhà văn thuộc phe tả, thuộc các nước theo xã hội chủ nghĩa hay thuộc ngay các nước Cộng Sản chính thống đặc biệt nhất là Nga Xô. Chỉ trong mấy năm liền có tất cả 3 nhà văn Nga Xô đã thay phiên nhau đoạt giải thưởng này trước sự ngỡ ngàng của dư luận đó là Pasternak, Chokolov, và Soljenitsyne.

Thế những việc trao tặng giải Nobel. Văn Chương cho các tác giả công dân các quốc gia Cộng Sản lại đặt ra cho các ông Hàn Thụy Điển một vấn đề nan giải : liệu giải thưởng lâu các tác giả được chọn đó có dám nhận giải không ? Bởi vì đằng sau họ còn có nhà cầm quyền Cộng Sản, cái đồng lực chính thức đây và cho phép họ nhận lãnh hay từ chối giải thưởng. Và dĩ nhiên nhà cầm quyền Cộng Sản sẽ điều khiển vấn đề này không phải theo phương diện văn chương mà là theo một nhân quan chính trị nghĩa là họ chỉ cho phép công dân họ nhận hay không nhận giải thưởng này nếu xét thấy điều đó có lợi cho chế độ và chủ nghĩa chính trị của họ. Chính vì thế mà trước đây, Pasternak đã tỏ ra lãnh đạm với cái vinh quang đã đến với mình và rõ ràng nhất là như năm vừa qua văn sĩ Soljenitsyne đã từ chối rời bỏ quê hương để qua Stockholm nhận giải bởi vì chính quyền Nga Xô đã làm áp lực thẳng với ông cho biết rằng nếu nhất định lên đường qua thủ đô Thụy Điển để nhận giải thì sau đó ông đừng hòng đặt chân trở lại quê hương nữa. Trong lúc đó, trên nguyên tắc, Soljenitsyne không như Sartre nghĩa là lên tiếng chính thức từ chối nhận lãnh vinh dự này. Trái lại, ông đã từng tuyên bố rất lấy làm hân hạnh được đón nhận vinh dự đó. Trường hợp quá bất thường này đã đưa đến một tình trạng khó xử : thử hỏi làm sao trao giải thưởng và chuyển giao cái giải thưởng đáng giá ngàn vàng đó đến tận tay người được hưởng một cách bảo đảm không mất mát trong khi chính người đó vì hoàn cảnh riêng đã không thể tự đích thân đến tận nơi pháp giải để nhận lãnh ? Chẳng lẽ lại phải gọi giải thưởng đến qua đường bưu điện ? Cuối cùng, Ban tổ chức tìm ra một giải pháp : Chuyển gán nặng văn chương, đó qua cho ông. Đại sứ của họ tại quốc gia mà kẻ thụ nhận hiện đang cư ngụ. Thế là Tòa Đại sứ Thụy Điển tại Nga Xô được giao phó cho trọng trách đó (nên nhớ Thụy Điển là nước trung lập có Đại Sứ tại khắp các quốc gia trên thế giới). Nhưng tại Nga, Tòa Đại Sứ Thụy Điển, trước các áp lực đe dọa của chính quyền bản xứ, cũng không dám hó hé, không dám làm nổi đình nổi đám vụ này, không dám tổ chức một buổi lễ trang trọng để chính thức bàn giao giải thưởng vì sợ bị nhà nước Cộng Sản trả thù. Cuối cùng giải

Nobel văn chương năm 70 được âm thầm trao lại cho Soljenitsyne một cách lặng lẽ không kèn không trống lúc nào cũng chẳng ai hay. Như thế đó, cái vinh dự lớn lao và cao quý trao tặng cho một trong số ít cá nhân được xem là đã đóng góp nhiều cho nền văn hóa chung của toàn thế nhân loại. Cũng chỉ vì con người đó và văn chương của ông đã không làm hải lòng vị lãnh tụ hiện đang cầm quyền tại xứ họ. Nhất là khi mà quý vị lãnh tụ đó đang chủ trương và thực hiện một chế độ độc tài đảng trị.

Kể từ sau trường hợp trở trêu của Soljenitsyne một trong những nạn nhân bị hy sinh cho Giải Nobel, dư luận ngay tại Thụy Điển đã xi xỏ châm biếm ngay các ông Hàn của họ rằng tốt hơn trong những năm tới các giải thưởng Nobel thay vì trao cho các tác giả thì hãy trao thẳng cho các vị Đại Sứ của Thụy Điển để sau đó họ sẽ đóng vai trò chuyển giao lại cho các đương sự, như vậy vừa tiện lợi lại khỏi tốn công vừa tránh được những trường hợp rắc rối lộn xộn. Và như vậy từ nay Hoàng Đế cũng khỏi phải mất công chủ tọa buổi lễ trao giải làm gì mà sẽ giao việc đó cho ông Tổng Trưởng Ngoại Giao bởi lẽ buổi lễ này lúc đó sẽ chỉ quy tụ một số Đại Sứ được gọi về nước để nhân giùm giải thưởng cho một số người khác. Cũng trường hợp đó chỉ là một lời nói đùa, ai ngờ qua năm sau, 1971, lời châm biếm đó đã thành sự thật : Giải Nobel văn chương 1971 được

quy định trao cho một ông Đại Sứ Ông Đại Sứ này có cái tên thật khó đọc là Ricardo Elizer Nafra! Paves y Basoalto. Và có bút hiệu là PABLO NERUDA.

Từ nói về khi ca của mình, Neruda mệnh danh đó là một khuynh hướng thi ca, diễn tả về « một sự sống không thuần khiết » (Impurity). Nghĩa là nói về muôn ngàn khía cạnh chân thực, sống động của chính sự sống dù đôi khi những khía cạnh đó đã tố cáo, đã lột trần cho thấy bề trái của con người với những bản năng sinh vật của nó. Có lẽ đó cũng là do ảnh hưởng của tư tưởng duy vật hiện thực vào thi ca Neruda từ đó ông tỏ ra quan tâm đặc biệt đến cái mà ông gọi là « thế giới sự vật : « một thế giới chìm đắm, trong mùi mồ hôi và khô, thêm mùi hoa và cũng hay mùi thối tha... diễn tả một thứ thi ca không thuần khiết cũng tựa như áo quần ta đang mặc hay thân thể ta là một thứ thi ca chừng như dính đầy vết nhơ của thức ăn có quan hệ mật thiết đến hành động và cách xử xử của chúng ta từ những hành động hèn nhút, mất nhân cách đến những giấc mơ, những nhận xét và tiên tri. Tô bực lòng kinh tởm và tình yêu thương, cả những thần tượng lẫn loài súc vật để hèn, những cuộc hồi ngộ bất ngờ, sự trung chính, ý chí phản đối và lòng nghi ngờ... » Theo như lý bày tỏ đó rõ ràng người ta phải hiểu rằng cái ý tưởng « không thuần khiết » này chỉ có giá trị khi đem đối chứng và so sánh với cái khuynh hướng thanh cao hóa, thần thánh hóa con người một cách quá độ cũng như đi ngược lại với chủ trương duy tâm, duy lý hay thuần túy tinh thần, một thứ duy linh thần tượng đối và lý tưởng như kiểu Platon chẳng hạn. Còn ngoài ra thì có thể nói cái khuynh hướng thi ca gọi là « Không thuần khiết » này chẳng qua cũng chính là một hình thức, một cách thể tìm hiểu, mô tả và ca ngợi sự sống bí mật, nhiệm mầu và kỳ lạ của cả thế giới và nhân loại.

Mà sự sống thì bao la bát ngát. Muốn ngàn khía cạnh, trăm hình ngàn vẻ để cập đến một khía cạnh ít nhiều ảnh hưởng bởi tư tưởng sống vật hiện thực, Neruda cũng chỉ nói lên một phần nào đó của sự sống, đó cũng là một phần đóng góp văn chương đáng quý và đôi dào tuy rằng không mới mẻ gì lắm và đầu sào, nên nhớ rằng những điều mà Neruda nói lên qua thi ca của ông không thể và không phải là hết cả toàn thể sự sống toàn diện.

Đối chiến với lịch sử phát khởi, tiến triển và tàn lụi lu mờ dần của phong trào phổ biến tư tưởng duy vật vào văn chương một cách khá thành đạt, lẽ ra Pablo Neruda được một giải thưởng giá Nobel văn chương sớm hơn nữa mới hợp thời hơn,

những chuyến khởi hành

(tiếp theo trang 11)

Dân chèo dục đường hẳn phải nhiều vì thường có bão mà hệ gặp bão thì kẻ chắc như là vào bụng cá.

Đường biển cũng chưa được biết rõ, và thuyền chèo đã đâm lặn chìm vào đá ngầm, tao nai bết và dân di cư cũng phục vụ cho hải sinh, một trăm người ra đi, chưa chắc tới nơi được ba chục người.

Đừng tưởng cấp lãnh đạo cuộc di cư sướng hơn dân. Đó là những ông quan, những anh lính không có cha chú, y hệt như ngày nay công chức và sĩ quan, binh sĩ, có gốc thì được ngồi Saigon uống ỳnh-ky, còn những ông không có gốc thì phải đi Toumarong, Đắc tơn, Đắc suốt, và ở mãi ngoài ấy không hẹn ngày về.

Tóm lại cấp lãnh đạo cũng chịu thân phận của bần cố nông, không hơn, không kém.

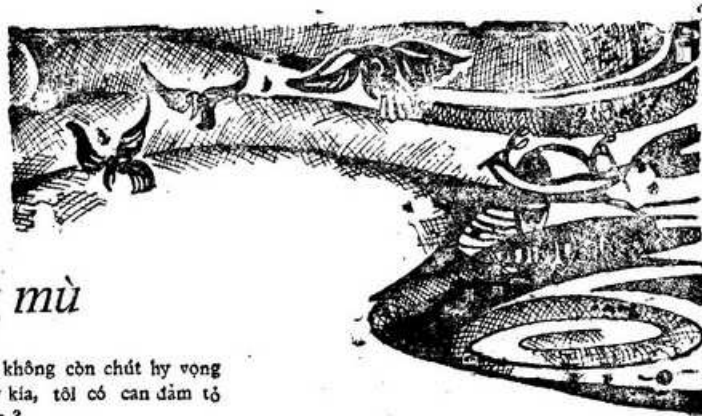
Tóm lại, đó là một cuộc đem con bỏ chợ của chúa Nguyễn, y hệt như vua nhà Hạ bèn Tàu đưa dân xuống vùng Kinh Cức ở Hồ Bắc, may nhờ rủi chịu.

Kinh Cức có nghĩa là núi Kinh có cây gai, nhưng cũng có nghĩa là nơi khốn khổ. Đất Nam Kỳ, cũng là nơi khốn khổ của cả cấp lãnh đạo và bần cố nông.

Nhưng đất miền Tây, như là Bắc Bộ Chính lại là đất hẹp mà xấu, dân lại đông, thì Chúa Nguyễn có thương dân bao nhiêu, cũng không làm sao khác hơn được.

Chúa Nguyễn lại cần hành trường biên cương để rộng đường đất hầu đương đầu với Chúa Trịnh. Đó là cái thế không được dùng.

Kỳ sau : Đông Phố và Giản Phố.



sống sương mù

(Tiếp theo trang 7)

Lần này, anh Kham không còn chút hy vọng nào trở lại. Ngày mai ngày kia, tôi có can đảm tỏ thật với bạn điều đó không?

Thiên vẫn hát nhỏ nhỏ bên cạnh tôi, đôi mắt mắt buồn nhìn lên những ngọn cây vươn khỏi nóc nhà. Tiếng hát nghe râm rức kỳ lạ. Tôi quay đi che dấu sự xúc động dâng lên đôi mắt. Tự dưng tôi, mơ hồ Thiên đã biết rõ sự mất mát của nàng, nơi đôi mắt buồn bã đó có sự im lặng chịu đựng vô vàn. Nước mắt không thể trào ra khỏi mí, có phải Thiên đã biết rồi chăng?

Thiên ngừng hát, nói nhẹ :

— Về thôi, Văn ạ.

Chúng tôi bước xuống từng bậc thềm, qua giàn hoa giấy đỏ. Tôi nói thầm Adieu — Adieu ! Một sự xúc động tan loãng loãng trong hồn. Đôi mắt Thiên buồn sâu xa. Dù là bạn gái, tôi đã hay có thói quen nhìn vào mắt Thiên. Chúng tôi, vẫn im lặng, không ai nói một lời nào. Ngang qua quán ngày xưa, Thiên dừng lại hỏi :

— Văn có muốn vào đây, ngồi lại không?

Tôi gật đầu. Chúng tôi chọn chiếc bàn đặt bên khung cửa, vẫn nơi chốn xưa xưa. Thiên nói :

— Bà chủ quán đã chết năm kia, bây giờ người con trông coi đó Văn ạ.

Tôi tiếp, giọng chậm rãi :

— Quán khác quá chừng, đâu còn như xưa Thiên nhỉ?

— Người ta « thiên nhiên hóa », thời đại kỹ thuật mà Văn.

Bên ngoài khung cửa là khu vườn, ngày trước khách chỉ có thể đến trong phạm vi này thôi. Bây giờ những đám cỏ xanh mượt được phát quang đi, những gốc cây ươm lại gọn ghẽ trên mỗi cây thấp từng ngọn đèn mờ, những chiếc bàn vuông đặt gần nhau. Khách chỉ có thể đến ban đêm, ngồi dưới ánh đèn, chụm cây chè kín bầu trời nhưng vẫn ảo tưởng bầu trời sát gần với đêm với sao. Khu vườn bên cửa sổ không còn nguyên vẹn, những chiếc thuyền tàu trở về ngang đây không còn nghe êm dịu, bãi cỏ xanh mượt có một thứ ước ao thật thà nào nữa. Những chiếc quán như thế này đã trở thành phong trào khắp nơi, một thứ bệnh hoạn ngày nay.

Thiên khuya cái muỗng vào ly nước vừa nói :

— Từ lúc Văn đi rồi, mình đi vào đây, chỉ duy những lần anh Kham về phép ..

Thiên ngừng lại đột ngột. Tôi nhìn vào mắt Thiên, có một sự đổi sắc tỏa dần trong mắt. Suốt buổi chiều bên nhau đầu tiên, tôi cố tình không nhắc đến anh kham, bây giờ Thiên buột miệng nhắc

đến, rồi ngừng lại đột ngột nửa chừng. Tôi nghĩ ngờ sự rịn rịn của ánh mắt của mình và sự im lặng buồn buồn của nàng, Thiên đã biết gì vì yêu sẽ không bao giờ trở lại thành phố này? Hạnh phúc đã thật sự bị mất tan hoang?

Tôi ngồi im vắng chờ đợi nước mắt bạn sẽ trào ra, một nỗi u ất vô vàn, nhưng Thiên nói tiếp đôi mắt nhìn qua khung cửa dõi theo những đám mây mờ xám trên cao :

— Văn này, lâu quá rồi anh kham chưa về Huế lại. Tại sao ấy nhỉ?

Tôi uống một ngụm nước còn lại trong ly, sự nhẹ nhàng lần xốn xang khó chịu trong lòng. Nhìn Thiên, tôi đáp với sự cố gắng bình thần :

— Có lẽ rất lâu anh ấy mới trở lại, Thiên ạ.

— Bộ anh kham không về chơi với tụi mình sao? Anh ấy phải về thăm mẹ nữa chứ?

Tôi nhìn lên cao những đám mây lướt chậm ngoài khung cửa. Tiếng nói của Thiên thương yêu, đâm thắm quá đối. Tôi nói thật nhỏ, cố ngăn sự xúc động trào lên ngang cổ, thoát có thể bật thành tiếng khóc.

— Anh Kham đang lãnh Phi Vụ mới, bay xa lắm.

— Xa lắm là ngoài Bắc kia hả Văn?

Tôi im lặng. Thiên nhìn tôi thoáng thất, đôi mày chau lại ánh mắt mờ đục kỳ lạ, hỏi dồn :

— Như vậy, có nghĩa là anh Kham không bao giờ trở về nữa sao Văn?

Tôi mỉm cười, nụ cười đáng thương nhất :

— Không phải đâu. Rồi anh ấy cũng về với tụi mình chứ.

Anh Kham yêu thành phố này và yêu thiên lắm, Thiên biết không?

Rồi ngừng một lát, tôi nói với Thiên trở về nhà thôi, chiều rồi. Tôi sợ sự can đảm đối trá với Thiên. Nét mặt Thiên chùng xuống, lặng lẽ.

Ngang qua cầu Nam Giao, nơi khúc sông quẹo về An Cựu, sương mù che mờ những chùm cây thấp hai bên bờ. Chúng tôi dừng lại chia tay nhau nơi mũi cầu. Thiên quẹo về con đường có bụi gạo làm bằng bao cát dựng bên góc đường. Tôi chưa bước đi và thấy rõ người lính gác nhẹ răng cười với Thiên, bày mấy cái răng vàng lấp lánh. Tôi nhớ anh Kham cũng có một cái răng giả ở hàm trên, khi đã ở lính mấy năm rồi. Tôi buồn bã quay đi. Δ

nổi chết

(Tiếp theo trang 7)

Không chờ không đợi, chẳng muốn đổi thay chẳng mong biến cải. Với những ngày tháng trống không, Quán miệt mài trong toan tính tương lai bỏ quên tôi vắng xa hiện tại. Với những ngày tháng đầy đặc u mê bàng hoàng kiếp sống cho tôi còn thấy Quán như nổi cách không rời. Và hạnh phúc Quán ban cơ hồ chuỗi cười ngọt ngào đâm suốt linh hồn tôi xốt xa rất bóng. Và tôi nhìn tôi, nhìn sự vật không gian trong thế giới lưu đầy bé nhỏ này như một cái nhìn kiếm tìm thâm trạng. Một cái nhìn hơn mê nghe tội nghiệp như một nỗi phách phờ.

Tiếng gõ cửa đầu đó vang lên cho thần chí Thụy muội mê chết ngất những âm thanh lấp ló ngập ngừng. E dè chờ đợi. Vừa như đánh thức vừa như xóa nhòa mà Thụy nghe với nỗi mơ hồ kỳ lạ. Tiếng Thụy bật dậy nghe như một đạo thoát tội tình

— Chỉ từ đó phải không?

— Dạ... Có dùng bữa; thầy tối.

Cánh cửa vẫn bất động kín bưng như lối chặn nhà mồ và tiếng nói đó nghe vang vọng như một hiện hữu khác hành tính. Thụy bỗng thoát nghe u mê rồi rã. Và cần phải lên tiếng. Tức thì tức khắc. Như hồi hải dục phẫn. Như lo góp mặt.

— Thôi thôi được rồi tôi sẽ xuống khỏi vào.

Rồi là im vắng. Rồi là lặng câm. Bằng bát suốt ngày suốt tháng. Đã qua và sẽ còn kéo dài. Hết tháng hết năm. Trọn phần suốt kiếp.

Dường như Thụy nghe mình ngồi đây. Một chỗi dậy muốn phiến nghe lao đao cùng cực. Muốn nhìn lại góc tủ mép bàn, bên tường vuông cửa. Muốn sờ vào đó như một đánh thức muốn mình, một vỗ về quay lại mà dường như đã lâu Thụy nhìn nhưng không thấy, có sờ, mà không nghe. Và nàng thêm chút ánh sáng mà mơ hồ qua tâm thức như còn vấn vương đầu đó để soi rọi khuôn mặt đời xanh xao hui hắt...

Các bạn yêu Thơ và những người chưa bao giờ đọc Thơ

HÃY ĐÓN ĐỌC THI PHẨM

MẤY LẦN THƯƠNG

○ của DUY PHƯƠNG

Thi phẩm đầu tay của nhà thơ trẻ Quận Đới.

○ Tập thơ viết cho một lần thương tích đã gửi trả lại quê hương dòng máu Lạc, thật đa hồng.

□ Tập thơ viết cho những người đã làm thân phận kẻ trong neo gió đối chàng chân mây.

⊕ Tập thơ cho những tuổi tình yêu và mộng ban đầu.

Thi phẩm đầu tay của DUY PHƯƠNG sẽ xuất hiện vào ngày đầu tháng 11-1971.

● Chim Việt giới thiệu :

THÁI BÌNH TRẢ LẠI

● một thi phẩm độc đáo của Truy Phong (tác giả Một Thế Kỷ Mấy Văn Thơ).

● Chim Việt Xuất bản và phát hành.

Đã phát hành toàn quốc :

vào thượng tuần tháng 10-1971

CÁT VÀNG

Tập truyện của LỮ-QUỲNH

Biên của NGUYỄN-TRUNG

Cơ sở Ý THỨC xuất bản

Nhà sách HÀM THỤ tổng phát hành

bạn bè của những người viết trẻ

(Tiếp theo trang 2)

Trên mọi địa hạt, mọi lãnh vực, kể cả địa hạt chơi bời, các đàn anh một số vẫn cứ giả cảm giả diếc «chần đường tuổi» trẻ. Hơn đâu hết, trên chiếu văn nghệ còn tràn đầy những ông hình vôi đang chia chia vôi thọc văn nghệ của tuổi trẻ!

Lúc này có nhiều người viết trẻ hơn bao giờ hết. Có lẽ càng lắm kẻ thù họ càng tỉnh bơ, cứ viết và chờ xem! Hình như bạn của những người viết trẻ ngày nay quả thực là chính họ hơn là ai hết.

Mà tôi nghĩ ngày nay bạn trẻ nằm trong những chọn lựa sau đây; — Làm anh hùng? — Không có lực lượng lý tưởng làm tri thức khoa bảng — Không có hoàn cảnh học (trừ một số quá ít)!

— Làm trí thức dẫn thân? — Hay lắm, vừa tìm sinh kế vừa bày tỏ thái độ bằng ngòi bút. Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn, thì dường như chỉ còn có con đường lập ngôn là sẵn sàng mở cửa!

Rốt cục lại: bạn bè của những người viết trẻ hiện nay là chính họ và «ngày mai», trong sương mờ thời gian...

Xin xem *Where Does a Young Writer Find His Real Friends*, của Jolin Knowles, in *trong Opinions and Perspectives* do Francis Brown biên soạn, Peregrine Book xuất bản, 1966, trang 367 — 373.

đọc «cát vàng» của lý quỳnh

(Tiếp theo trang 5)

rách bươm cái hình ảnh của người mẹ, để không bao giờ còn bức đọc... Hẳn tìm một người quen. Ông ta đi Tây Ninh nhận xác con mới từ trận! Không còn nỗi buồn chán nào đậm đà hơn.

Toàn thể tập truyện đậm màu buồn thảm. Toàn những chết chóc, chia lìa, tan vỡ, chán chường, mệt mỏi, đơn độc... Tác giả nhìn đời qua một bức màn đen? Không, bởi trong cuộc chiến này những người trẻ tuổi trực tiếp gắn liền thân phận, buộc chặt sinh mệnh họ với thời thế, với những vấp búa của mọi sức mạnh lúc nào cũng sẵn sàng ụp chụp xuống đầu họ, dĩ nhiên họ cảm nghiệm những cảnh huống bi thương chưa xót kia một cách thấm thía hơn bất cứ lớp tuổi nào khác. Và lại chung quanh chúng ta còn có gì ngoài những nỗi thế thảm đó. nếu chẳng phải chỉ còn «những thằng... cò bạc suốt đêm, đến sáng về gọi xe tăng hộ tống», những tên khốn vật từng làm chó săn cho thực dân đế quốc, biết nói tiếng lòng: yêu nước, yêu dân, công bằng, dân chủ...», như kẻ đào ngũ trong truyện «Người ngồi đợi mưa» tổ cáo? Đối lại, lão Lang lo chung sự ở nhà xác đã chứng kiến bao thảm cảnh chiến tranh đến chết cả lòng người: «...nếu lúc đó: g trước những hình ảnh quá thế thảm của đời người, lão đâm ao ước được chết ngay tức khắc, để cảm thấy tâm hồn không đau đớn quá nỗi đau đớn về những cái chết mà lão phải chịu đựng hàng ngày» (truyện «Mùa Xuân hư vô»). Và bên cạnh đó là một thêm khát tuần nhiên khỏe khoắn muốn tìm lại sinh lực cho cả một thế hệ đang kiệt sức: «Tôi cảm thấy thêm sự ngọt ngào của những củ khoai bột vàng, những chén cơm gạo đỏ trộn lẫn

sắn khô, những đêm trắng bà mẹ của Chiến bác thàng hải triều, và chúng tôi nằm bên nhau thao thức» (truyện «Cát Vàng»). Vậy chỉ nên nhìn ở tập truyện một biểu hiệu tha thiết, chân thành của một (hay những) tâm hồn đã áp đau thương vì những thảm trạng từng phải chịu đựng. Biểu hiện tha thiết chân thành đó còn tố cáo thực tại phủ phàng của cuộc chiến muốn hình muốn vẽ, của tình thế muốn mặt nơi đất nước này, mà hậu quả là những lớp người gục ngã, chia lìa nhau và thù hận nhau một cách phi lý, một cách đáng thương. Giọng văn trong toàn tập biến đổi theo sắc độ tình cảm được biểu hiện và do đó, dưới dạng vẻ tổng quát rất bình dị, rất «duy nhiên», nhưng trong vận hành của bút pháp đã khoắc lấy nhiều sắc thái tế nhị. Kỹ thuật kết cấu rất độc đáo trong truyện «Bóng tối dưới hầm» nhưng lại đơn sơ quá, dung dị quá, trong những truyện khác, những truyện kể mạch lạc, không có gì đặc biệt về hình thức, ngoài một giọng nồng nàn hay chua chát rất truyền cảm. Nghĩa là tác giả viết chưa đều tay cho lắm. Nói chung, đây là một tập truyện đáng đọc với tính cách là chứng ngôn của một lớp người trẻ tuổi bị dày dạn trong chiến tranh. Δ



KỶ-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

Commercial Industrial Bank

— Công ty nặc danh — vốn 250.000.000đ.00 góp đủ

Trụ sở : 422 TRẦN-HUNG-ĐẠO — SAIGON

(GÓC NGUYỄN-BIỂU — TRẦN-HUNG-ĐẠO)

— 0 —

Điện thoại : 98.495 — 98.496 — Q.S. : 60.078 — 61.421

Điện tín : INCOMBANK

Thực hiện mọi nghiệp vụ Ngân Hàng:

- NHẬN VÀ TRẢ MỌI SỐ TIỀN KÝ THÁC
- CHO VAY DƯỚI MỌI HÌNH THỨC
- MỞ TÍN DỤNG KHOẢN XUẤT NHẬP CẢNG
- HUYỀN NGÂN
- MỞ TRƯỞNG MỤC TIẾT KIỆM

Tiếp đón nồng hậu — Phục vụ mau lẹ và kín đáo

IN TẠI NHÀ IN RIÊNG 225-227 ĐƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO — ĐIỆN THOẠI : 25.863 — SAIGON

chút gì để nhớ

VŨ HỮU ĐỊNH

phố núi cao phố núi đầy sương
phố núi cây xanh trời thấp thật buồn
anh khách lạ đi lên đi xuống
may có em mà đời còn dễ thương

em Pleiku má đỏ môi hồng
ở đây buổi chiều quanh năm mùa đông?
nên em tóc ướt và mắt ướt
nên em mềm như mây chiều trong

phố núi xuôi phố núi trời gần
không có đường xa nên phố tình thân
đi dăm phút đã về chốn cũ
một buổi chiều lòng chợt bàng khuâng

xin cảm ơn thành phố có em
xin cảm ơn một mái tóc mềm
mai xa lắc trên đôn biên giới
còn một chút gì để nhớ để quên.



trông non

ĐINH MẠC

người đi biệt dạng tháng năm
mấy mùa mưa trắng rằm dỗi chán
lòng mây trải mấy thu phân
chờ non hồng bề nghe gần diêm sương.